

LỜI NÓI ĐẦU

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 được thực hiện theo Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là một trong ba cuộc Tổng điều tra lớn do Ngành Thống kê thực hiện với mục tiêu phục vụ công tác tham mưu chiến lược của các Bộ, ngành và địa phương, giúp Đảng và Nhà nước có được bức tranh kinh tế tổng thể của cả nước; nắm bắt được thực trạng của nền kinh tế nói chung và của từng ngành, từng địa phương nói riêng. Tổng điều tra kinh tế năm 2021 có quy mô lớn, nội dung phức tạp, liên quan đến 04 loại đơn vị điều tra, bao gồm: doanh nghiệp; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; đơn vị sự nghiệp, hiệp hội; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 được thực hiện theo Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Đây là cuộc Điều tra thống kê quốc gia có quy mô lớn, lần đầu tiên ngành Nội vụ triển khai thực hiện. Tổng điều tra cơ sở hành chính năm 2021 nhằm thu thập thông tin về số cơ sở hành chính, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở hành chính; kết quả thu chi của cơ sở hành chính nhằm rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, ... đáp ứng yêu cầu quản lý của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương.

Tuy hai đơn vị chủ trì thực hiện cuộc Tổng điều tra nhưng báo cáo kết quả sơ bộ đã bao gồm thông tin của các khối trong Tổng điều tra kinh tế và kết quả Điều tra cơ sở hành chính. Năm 2020 được chọn là năm số liệu để thu thập và tổng hợp thống nhất cho tất cả các loại đơn vị điều tra.

Từ tháng 3/2021 đến tháng 01/2022, cuộc Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính đã được triển khai tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương thông qua Ban chỉ đạo Tổng điều tra cấp Trung ương, tỉnh, huyện, xã. Đến nay, tại cấp tỉnh công tác xử lý, tổng hợp kết quả sơ bộ đã hoàn thành theo đúng tiến độ trong bối cảnh diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19.

Cục Thống kê Hà Tĩnh biên soạn và Công bố *"Kết quả sơ bộ - Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 tỉnh Hà Tĩnh"* với các chỉ tiêu thống kê chủ yếu phản ánh số lượng và lao động của các đơn vị điều tra, đồng thời đưa ra nhận định khái quát về những thay đổi do tác động của các chính sách kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước trong 5 năm qua.

Nội dung báo cáo kết quả sơ bộ gồm 04 phần:

Phần I: Giới thiệu chung;

Phần II: Quá trình thực hiện Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021;

Phần III: Kết quả sơ bộ Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021.

Phần IV: Các biểu số liệu.

Kết quả chính thức Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 sẽ được công bố trong Quý IV năm 2022 với hệ thống các chỉ tiêu thống kê chi tiết, đầy đủ, những chuyên đề phân tích chuyên sâu sẽ được phổ biến dưới nhiều hình thức, nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu thông tin thống kê cho công tác lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước và các đối tượng sử dụng thông tin khác.

Ban chỉ đạo Tổng điều tra tỉnh trân trọng cảm ơn các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các địa phương cấp huyện, xã, các đơn vị điều tra đã tích cực phối hợp với Ban Chỉ đạo Tổng điều tra và cơ quan Thống kê, Nội vụ các cấp trong quá trình triển khai thực hiện cuộc Tổng điều tra.

MỤC LỤC

	NỘI DUNG	Trang
	LỜI NÓI ĐẦU	1
Phần I.	GIỚI THIỆU CHUNG	7
1.	Quyết định về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021	9
2.	Quyết định về việc ban hành Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021	12
3.	Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021	13
4.	Quyết định về việc tổ chức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021	34
5.	Quyết định về việc ban hành Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021	37
6.	Quyết định về việc điều chỉnh Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021	38
7.	Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021	40
Phần II.	QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ VÀ ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021	55
Phần III.	KẾT QUẢ SƠ BỘ TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ VÀ ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021	65
I.	TỔNG QUAN CHUNG	67
1.	Khái quát về số lượng và lao động của các đơn vị điều tra	67
2.	Quy mô lao động bình quân một đơn vị điều tra	70
3.	Mức độ tập trung đơn vị điều tra theo khu vực kinh tế và đơn vị hành chính	71
II.	DOANH NGHIỆP VÀ HỢP TÁC XÃ	73
1.	Doanh nghiệp	73
2.	Hợp tác xã	75
III	CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ PHI NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	76
IV	KHỐI HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP, HIỆP HỘI	78
V.	CƠ SỞ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG	80
Phần IV.	CÁC BIỂU SỐ LIỆU	83

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU

Số bảng	Nội dung	Trang
01	Số lượng và lao động của các đơn vị điều tra	67
02	Cơ cấu đơn vị và lao động của các đơn vị điều tra phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	72
03	Cơ cấu số lượng đơn vị và lao động trong các đơn vị điều tra phân theo khu vực kinh tế	73
04	Số lượng cơ sở và lao động qua các kỳ Tổng điều tra	77
05	Số cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	77
06	Số lượng, lao động của các đơn vị khối hành chính, sự nghiệp, hiệp hội	79
07	Số cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	80

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Số biểu	Nội dung	Trang
01	Sơ bộ kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2021	68
02	Cơ cấu số lượng đơn vị và lao động năm 2020	73
03	Doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12/2020	74
04	Số lượng hợp tác xã phân theo khu vực kinh tế (HTX)	75
05	Lao động hợp tác xã phân theo khu vực kinh tế	76

Phần I

GIỚI THIỆU CHUNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 307/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình Điều tra thống kê quốc gia;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành Tổng điều tra kinh tế năm 2021 (viết tắt là Tổng điều tra) trên phạm vi cả nước nhằm thu thập thông tin cơ bản về các đơn vị sản xuất, kinh doanh, hoạt động sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, hiệp hội, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng nhằm phục vụ việc đánh giá toàn diện thực trạng và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, làm cơ sở đánh giá tình hình, xây dựng kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

Điều 2. Nội dung Tổng điều tra

1. Thông tin nhận dạng đơn vị điều tra: thông tin định danh của cơ sở; ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh; các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, Đảng, đoàn thể, hiệp hội, đơn vị sự nghiệp, cơ sở trực thuộc của các tổ chức trên; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; các tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động: thông tin về người đứng đầu; lao động của cơ sở; thu nhập của người lao động.

3. Thông tin về kết quả, chi phí sản xuất kinh doanh: tài sản, nguồn vốn; kết quả hoạt động, chi phí sản xuất kinh doanh; thuế và các khoản nộp ngân sách; vốn đầu tư; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D), đổi mới

sáng tạo; các chỉ tiêu thống kê chuyên ngành trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân tổ theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam; tiêu dùng năng lượng.

4. Thông tin về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin: sử dụng phần mềm quản lý, tự động hóa cho sản xuất kinh doanh; sử dụng hình thức thương mại điện tử qua hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trực tuyến; năng lực tiếp cận cách mạng Công nghiệp lần thứ 4.

5. Thông tin về tình hình tiếp cận tài chính, hội nhập kinh tế quốc tế và thông tin chuyên đề về đơn vị điều tra.

Điều 3. Tổng điều tra thực hiện theo hai giai đoạn

1. Giai đoạn 1: Thu thập thông tin về các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc khối doanh nghiệp; các chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài; Đảng, đoàn thể, hiệp hội, đơn vị sự nghiệp; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam; cơ sở trực thuộc của các tổ chức trên. Thời gian thu thập thông tin từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021.

2. Giai đoạn 2: Thu thập thông tin về các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Thời gian thu thập thông tin từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 năm 2021.

Kết quả sơ bộ Tổng điều tra công bố vào tháng 12 năm 2021. Kết quả chính thức công bố vào quý II năm 2022.

Điều 4. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

a) Chủ trì xây dựng phương án Tổng điều tra; tổ chức điều tra thí điểm để hoàn thiện phương án Tổng điều tra. Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định việc ban hành Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021. Phương án Tổng điều tra được xây dựng trên nguyên tắc khai thác tối đa số liệu về doanh nghiệp của Tổng cục Thuế, Bảo hiểm xã hội và các số liệu thực tế hiện có của các cơ quan đã xây dựng hệ thống tích hợp dữ liệu trên cơ sở công nghệ thông tin; sử dụng tối đa công nghệ thông tin trong thu thập và xử lý thông tin Tổng điều tra.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan, các địa phương tổ chức, chỉ đạo thực hiện cuộc Tổng điều tra theo đúng phương án, kế hoạch và nội dung Tổng điều tra; tổng hợp, công bố kết quả Tổng điều tra.

c) Xây dựng dự toán kinh phí Tổng điều tra và tổng hợp trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức điều tra theo ngành dọc trên cơ sở phương án Tổng điều tra, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương

và gửi kết quả về Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương để tổng hợp chung kết quả của toàn quốc.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tin ở Trung ương và địa phương phối hợp với Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương và Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp trong việc tuyên truyền, hỗ trợ công nghệ thông tin, đảm bảo đường truyền thông suốt và bảo mật dữ liệu trong Tổng điều tra.

4. Các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, thực hiện Tổng điều tra thống nhất theo yêu cầu và hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương.

Điều 5. Thành lập Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế năm 2021

1. Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Trưởng ban, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê làm Phó Trưởng Ban; Lãnh đạo các Bộ, ngành: Quốc phòng; Công an; Công Thương; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Y tế; Nội vụ; Lao động - Thương binh và Xã hội; Khoa học và Công nghệ; Văn phòng Chính phủ; Kho bạc Nhà nước; Tổng cục Thuế; Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam; Liên minh hợp tác xã Việt Nam; Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê phụ trách lĩnh vực thống kê thương mại, dịch vụ và Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ, Tổng cục Thống kê làm Ủy viên. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương sử dụng con dấu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) hướng dẫn thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra tại Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp ở địa phương.

Điều 6. Kinh phí thực hiện Tổng điều tra kinh tế năm 2021 do ngân sách Nhà nước đảm bảo và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Phúc

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 1344/QĐ-BKHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2020***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021****BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Phó trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

Điều 2: Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Bộ Công an, các Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng phương án quy định.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4: Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và Trưởng ban các Ban Chỉ đạo có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG*(Đã ký)***Nguyễn Chí Dũng****TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO TỔNG
ĐIỀU TRA KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**

PHƯƠNG ÁN**Tổng điều tra kinh tế năm 2021**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1344/QĐ-TCTK ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA**1. Mục đích**

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 thu thập thông tin về các cơ sở kinh tế, sự nghiệp nhằm đáp ứng các mục đích sau:

Một là, đánh giá sự phát triển về số lượng, quy mô và lao động của các cơ sở kinh tế; kết quả sản xuất kinh doanh (viết gọn là SXKD); mức độ ứng dụng công nghệ thông tin; cơ cấu, sự phân bố của các cơ sở và của lao động theo địa phương, theo ngành kinh tế và theo hình thức sở hữu nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Đảng, nhà nước, các Bộ, ngành và địa phương.

Hai là, tính toán chỉ tiêu thống kê chính thức của các chuyên ngành thống kê, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) năm 2020 theo Đề án “Đổi mới quy trình biên soạn số liệu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” và các chỉ tiêu thống kê khác thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia.

Ba là, cập nhật thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi năm gốc so sánh phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội; làm dàn mẫu tổng thể về cơ sở kinh tế cho các cuộc điều tra chọn mẫu trong giai đoạn tiếp theo của ngành Thống kê, các Bộ, ngành và địa phương.

2. Yêu cầu

(1) Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố, lưu trữ dữ liệu và bảo mật thông tin cuộc Tổng điều tra phải thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra.

(2) Thu thập, tổng hợp và công bố các số liệu có độ tin cậy cao, đầy đủ các nội dung điều tra theo Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo tính kế thừa và so sánh với các kỳ Tổng điều tra trước, đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

(3) Đảm bảo tính khả thi về nội dung điều tra, đáp ứng yêu cầu tổng hợp chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Luật Thống kê năm 2015, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã, số liệu chính thức theo đơn vị ngành kinh tế theo địa bàn.

(4) Đảm bảo thông tin điều tra đầy đủ, kịp thời, không trùng lặp, bỏ sót, phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi theo hướng ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn của Tổng điều tra.

(5) Việc quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc Tổng điều tra bảo đảm đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ, PHẠM VI ĐIỀU TRA

1. Đối tượng điều tra

a) Đối tượng điều tra là tổ chức, cá nhân chứa đựng thông tin cần thu thập. Trong cuộc điều tra này, đối tượng điều tra được xác định là *đơn vị cơ sở* hay còn được gọi là *đơn vị ngành kinh tế theo địa bàn*. Đơn vị cơ sở là đơn vị kinh tế thỏa mãn các điều kiện sau đây:

(1) Có địa điểm xác định trên lãnh thổ Việt Nam để trực tiếp thực hiện hoặc quản lý, điều hành các hoạt động thuộc các ngành kinh tế;

(2) Có chủ thể sở hữu và người đứng đầu chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động, có lao động chuyên nghiệp;

(3) Có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ hoặc theo tập quán kinh doanh;

(4) Mỗi đơn vị cơ sở chỉ đóng tại 1 địa bàn xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là xã) và chỉ tiến hành 1 loại hoạt động kinh tế thuộc ngành cấp 3.

Một đơn vị cơ sở đóng trên cùng một địa điểm nhưng thuộc địa bàn quản lý của từ 2 xã trở lên, quy ước theo diện tích lớn nhất của đơn vị cơ sở thuộc địa bàn xã nào thì đơn vị cơ sở được tính vào xã đó. Trường hợp, chưa xác định được theo diện tích, tiếp tục căn cứ vào địa điểm thực hiện công tác quản lý (hợp, phổ biến nghiệp vụ,...) để sắp xếp đơn vị cơ sở vào địa bàn xã phù hợp.

Căn cứ vào giá trị sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm chính do đơn vị cơ sở tạo ra để xác định ngành kinh tế của đơn vị cơ sở.

b) Đối tượng điều tra bao gồm các loại cơ sở sau:

(1) *Cơ sở SXKD của doanh nghiệp/hợp tác xã* là đơn vị cơ sở chỉ thực hiện một loại hoạt động SXKD trong phạm vi 1 ngành kinh tế cấp 3 và chỉ đóng trên địa bàn 1 xã. Trong doanh nghiệp, cơ sở SXKD thường là địa điểm SXKD;

(2) *Cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (viết gọn là cơ sở SXKD cá thể)* là đơn vị cơ sở của hộ gia đình, chỉ thực hiện 1 loại hoạt động SXKD không thuộc ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn của 1 xã;

(3) *Cơ sở SXKD thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp* là các đơn vị có hoạt động SXKD trực thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;

(4) *Cơ sở sự nghiệp, hiệp hội* là đơn vị cơ sở của đơn vị sự nghiệp, hiệp hội thực hiện một loại hoạt động trong phạm vi 1 ngành kinh tế cấp 3 trên địa bàn của 1 xã;

(5) *Tổ chức phi chính phủ của nước ngoài tại Việt Nam* là các tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân, hoặc các hình thức tổ chức xã hội, phi lợi nhuận khác, được thành lập theo luật pháp nước ngoài, các hoạt động hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận hoặc các mục đích khác tại Việt Nam;

(6) *Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng* là đơn vị cơ sở của đơn vị tôn giáo, tín ngưỡng thực hiện hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trong phạm vi địa bàn 1 xã.

c) Đối tượng điều tra không bao gồm:

(1) Các cơ quan hành chính, Đảng, Đoàn thể;

(2) Cơ sở sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của hộ;

(3) Cơ sở hoạt động thuộc lĩnh vực ngoại giao (các đoàn ngoại giao, Đại sứ quán, Lãnh sự quán của nước ngoài).

2. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là tổ chức, cá nhân mà qua đó tiếp cận với đối tượng điều tra để thu thập thông tin. Đơn vị điều tra được phân loại theo số lượng cơ sở và theo hình thức hoạt động.

a) Phân loại đơn vị điều tra theo số lượng cơ sở

- *Đơn vị điều tra đơn cơ sở* là đơn vị điều tra chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý. Trong trường hợp này, văn phòng quản lý đóng trên cùng địa bàn xã để phục vụ trực tiếp cho đơn vị cơ sở tạo ra sản phẩm đầu ra của đơn vị điều tra. Do đó, văn phòng quản lý không được xem xét như một đơn vị cơ sở riêng biệt và xem như đơn vị điều tra chỉ có một đơn vị cơ sở duy nhất. Đơn vị điều tra đơn cơ sở được xếp vào ngành hoạt động của đơn vị cơ sở duy nhất của nó.

- *Đơn vị điều tra đa cơ sở* là đơn vị điều tra có từ hai đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý hoặc có ít nhất một đơn vị cơ sở đóng tại địa bàn xã khác với văn phòng quản lý. Ở đây, văn phòng quản lý được xác định là một đơn vị cơ sở và xếp vào ngành hoạt động của trụ sở văn phòng (trừ văn phòng quản lý của đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm được xếp vào cùng ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm). Các đơn vị cơ sở khác được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà đơn vị cơ sở đó sản xuất ra.

Đối với cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (viết gọn là NLTS), thường không có văn phòng quản lý. Do đó, đơn vị điều tra đa cơ sở SXKD cá thể phi NLTS là cơ sở có từ hai hoạt động SXKD trở lên.

b) Phân loại đơn vị điều tra theo hình thức hoạt động

(1) Doanh nghiệp

Doanh nghiệp được thành lập và chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp; Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (viết gọn là Doanh nghiệp). Doanh nghiệp bao gồm:

- *Doanh nghiệp đơn cơ sở chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn (xã) với văn phòng quản lý của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp đơn cơ sở, đơn vị điều tra cũng chính là đối tượng điều tra và được xếp ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính của địa điểm SXKD duy nhất;*

- *Doanh nghiệp đa cơ sở có từ hai đơn vị cơ sở đóng trên cùng xã với văn phòng quản lý hoặc có ít nhất một đơn vị cơ sở đóng tại địa bàn xã khác với văn phòng quản lý. Theo đó, văn phòng quản lý được xác định là một đơn vị cơ sở và xếp vào ngành hoạt động của trụ sở văn phòng (trừ văn phòng quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm được xếp vào cùng ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm). Các đơn vị cơ sở khác được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà đơn vị cơ sở sản xuất ra. Đối với doanh nghiệp đa cơ sở, đơn vị cơ sở có thể đóng trên cùng hoặc không cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý.*

- *Tập đoàn, tổng công ty*

+ *Đối với 59 tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp có hoạt động hạch toán toàn ngành thuộc các lĩnh vực: bưu chính, viễn thông, điện lực, bảo hiểm, hàng không, đường sắt, ngân hàng có nhiều đơn vị cơ sở đóng trên phạm vi cả nước, Tổng cục Thống kê tổ chức điều tra văn phòng quản lý và các đơn vị cơ sở hạch toán phụ thuộc đóng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ tiến hành thu thập thông tin đối với các doanh nghiệp hạch toán độc lập, không thuộc hoạt động hạch toán toàn ngành, trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty này có địa điểm đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Danh sách các tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp có hoạt động hạch toán toàn ngành được đề cập tại Phụ lục 01);*

+ *Đối với các tập đoàn, tổng công ty còn lại (không bao gồm 62 tập đoàn, tổng công ty ở Phụ lục 01): các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện điều tra, đơn vị điều tra là: (1) Văn phòng quản lý của tập đoàn, tổng công ty và các đơn vị cơ sở hạch toán phụ thuộc vào Văn phòng tập đoàn, tổng công ty;*

+ *Các doanh nghiệp trực thuộc tập đoàn, tổng công ty hạch toán độc lập đóng trên địa bàn.*

Lưu ý: Đơn vị điều tra là doanh nghiệp, các đơn vị cơ sở thường là các địa điểm SXKD. Tuy nhiên, trên thực tế trong doanh nghiệp nhà nước có các cơ sở

sự nghiệp (như trường học, bệnh viện,...) do đó, đối tượng điều tra trong các doanh nghiệp bao gồm tất cả các loại đơn vị cơ sở trực thuộc như: cơ sở SXKD, cơ sở sự nghiệp,...

(2) Cơ sở SXKD cá thể

Cơ sở SXKD cá thể thuộc sở hữu của một người, một nhóm người hoặc một gia đình, chưa đăng ký hoạt động theo loại hình doanh nghiệp, không bao gồm hộ thực hiện duy nhất một hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản. Cơ sở SXKD cá thể bao gồm:

- *Cơ sở đơn* là cơ sở chỉ có một hoạt động SXKD. Trong cơ sở đơn, đơn vị điều tra cũng chính là đối tượng điều tra và được xếp vào ngành hoạt động của đơn vị cơ sở duy nhất.

- *Hộ đa cơ sở* có từ hai cơ sở SXKD cá thể trở lên. Cơ sở SXKD cá thể của hộ đa cơ sở được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà cơ sở sản xuất ra.

Lưu ý: Đối với cả hai loại cơ sở đơn và hộ đa cơ sở, cơ sở SXKD cá thể có thể đóng trên cùng hoặc không cùng địa bàn xã với địa điểm mà chủ cơ sở sinh sống.

Riêng cơ sở SXKD cá thể ngành xây dựng, do đặc thù của hoạt động này và mục tiêu thống kê số lượng cơ sở, quy định: cơ sở SXKD cá thể xây dựng là đội/tổ/nhóm cá thể (gọi chung là đội xây dựng cá thể) do một người đứng ra làm đội trưởng (hay còn gọi là chủ/cai thầu xây dựng) thực hiện nhận thầu và tiến hành xây dựng mới, lắp đặt thiết bị, sửa chữa công trình xây dựng; được xác định theo tên và địa chỉ thường trú của chủ cơ sở (đội trưởng). Số lượng đơn vị cơ sở tính theo số lượng đội trưởng; không xác định số lượng cơ sở theo số lượng công trình mà đội trưởng đang tiến hành xây dựng. Trường hợp đội trưởng xây dựng nhận nhiều công trình xây dựng tại cùng một thời điểm vẫn chỉ tính là một cơ sở.

(3) Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội

Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội là loại hình tổ chức dịch vụ do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp thành lập hoặc cho phép thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện chức năng cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công cho xã hội.

- *Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đơn cơ sở* chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý của đơn vị sự nghiệp. Trong đơn vị sự nghiệp đơn cơ sở, đơn vị điều tra cũng chính là đối tượng điều tra và được xếp vào ngành hoạt động của đơn vị cơ sở duy nhất.

- *Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đa cơ sở* có từ hai đơn vị cơ sở thực hiện từ hai hoạt động trở lên đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý hoặc có ít nhất một đơn vị cơ sở đóng tại địa bàn xã khác. Các đơn vị cơ sở khác được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà nó sản xuất ra.

(4) Đơn vị tôn giáo, tín ngưỡng

- Cơ sở tôn giáo là nơi thờ tự, tu hành, nơi đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo và những cơ sở khác của tôn giáo được Nhà nước công nhận như: chùa, tự, viện, tịnh xá, niệm Phật đường, nhà thờ, nhà thờ họ công giáo, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo.

- Cơ sở tín ngưỡng là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng. Gồm các cơ sở tín ngưỡng là đình, đền, phủ, am và tượng đương. *Loại trừ: các cơ sở tín ngưỡng là miếu, từ đường, nhà thờ họ của dòng họ gia đình.*

3. Phạm vi điều tra

Cuộc Tổng điều tra thực hiện trên phạm vi cả nước đối với tất cả các đơn vị điều tra thuộc các loại hình kinh tế, ngành kinh tế từ ngành A đến ngành U (trừ ngành O) theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2018), cụ thể:

- Ngành A: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (*chỉ điều tra các doanh nghiệp và các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp hoạt động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản*);

- Ngành B: Khai khoáng;

- Ngành C: Công nghiệp chế biến, chế tạo;

- Ngành D: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí;

- Ngành E: Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải;

- Ngành F: Xây dựng;

- Ngành G: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;

- Ngành H: Vận tải, kho bãi;

- Ngành I: Dịch vụ lưu trú và ăn uống;

- Ngành J: Thông tin và truyền thông;

- Ngành K: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm;

- Ngành L: Hoạt động kinh doanh bất động sản;

- Ngành M: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ;

- Ngành N: Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ;

- Ngành P: Giáo dục và đào tạo;

- Ngành Q: Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội;

- Ngành R: Nghệ thuật, vui chơi và giải trí;

- Ngành S: Hoạt động dịch vụ khác;

- Ngành U: Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế.

III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Nội dung điều tra bao gồm các nhóm thông tin sau:

- Thông tin nhận dạng đơn vị điều tra: thông tin định danh của cơ sở; ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh; các loại hình doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, cơ sở trực thuộc của các tổ chức trên; cơ sở SXKD cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; các tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam;
- Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động: thông tin về người đứng đầu; lao động của cơ sở; thu nhập của người lao động;
- Thông tin về kết quả, chi phí SXKD: tài sản, nguồn vốn; kết quả hoạt động, chi phí SXKD; thuế và các khoản nộp ngân sách; vốn đầu tư; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D), đổi mới sáng tạo; các chỉ tiêu thống kê chuyên ngành trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân tổ theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam; tiêu dùng năng lượng;
- Thông tin về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin: sử dụng phần mềm quản lý, tự động hóa cho SXKD; sử dụng hình thức thương mại điện tử qua hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trực tuyến; năng lực tiếp cận cách mạng Công nghiệp lần thứ 4;
- Thông tin về tình hình tiếp cận tài chính, hội nhập kinh tế quốc tế và thông tin chuyên đề về đơn vị điều tra.

2. Các loại phiếu điều tra và giải thích nội dung thông tin thu thập (Quy định chi tiết tại Phụ lục 02)

IV. CÁC BẢNG DANH MỤC SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

1. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ;
2. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ;
3. Danh mục các đơn vị hành chính ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra;
4. Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;
5. Danh mục các nước và vùng lãnh thổ: Áp dụng Bảng danh mục các nước và vùng lãnh thổ do Tổng cục Thống kê quy định.

V. THỜI ĐIỂM, THỜI KỲ ĐIỀU TRA VÀ THỜI GIAN THU THẬP THÔNG TIN

1. Thời điểm điều tra

- Đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp: thời điểm điều tra tiến hành vào ngày 01/3/2021.

Những chỉ tiêu thu thập theo thời điểm điều tra được lấy thông tin phát sinh tại thời điểm điều tra tùy theo từng chỉ tiêu và đơn vị điều tra được quy định cụ thể trong từng loại phiếu (áp dụng cho một số chỉ tiêu như tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ, lao động đầu kỳ và cuối kỳ,...).

- Đối với cơ sở SXKD cá thể, cơ sở tôn giáo: thời điểm điều tra tiến hành vào ngày 01/7/2021.

2. Thời kỳ điều tra

Những chỉ tiêu thu thập theo thời kỳ được lấy thông tin theo số liệu phát sinh trong năm 2020 hoặc các tháng năm 2021 tùy theo từng chỉ tiêu và đơn vị điều tra, được quy định cụ thể trong từng loại phiếu điều tra.

3. Thời gian thu thập thông tin

- Đối với đơn vị điều tra là doanh nghiệp: Thời gian chuẩn bị thu thập thông tin từ ngày 01/02/2021 đến hết ngày 28/02/2021; thời gian thu thập thông tin từ ngày 01/3/2021 đến hết ngày 30/5/2021;

- Đối với đơn vị sự nghiệp, hiệp hội: Thời gian chuẩn bị thu thập thông tin từ ngày 01/02/2021 đến hết ngày 28/02/2021; thời gian thu thập thông tin từ ngày 01/3/2021 đến hết ngày 30/4/2021.

- Đối với cơ sở SXKD cá thể: Thời gian chuẩn bị thu thập từ ngày 02/5/2021 đến hết ngày 15/6/2021; thời gian thu thập thông tin từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/7/2021.

- Đối với cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: Thời gian chuẩn bị thu thập thông tin từ ngày 01/6/2021 đến hết ngày 15/6/2021; thời gian thu thập thông tin từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/7/2021.

VI. LOẠI ĐIỀU TRA VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

1. Loại điều tra

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 thực hiện điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu.

a) Điều tra toàn bộ: Thực hiện đối với các đối tượng, đơn vị điều tra nhằm thu thập thông tin cơ bản về cơ sở.

- **Doanh nghiệp:** Điều tra toàn bộ thông tin cơ bản của doanh nghiệp, chi nhánh; sản phẩm vật chất và dịch vụ của địa điểm SXKD trực thuộc doanh nghiệp/chi nhánh. Nội dung, quy trình thực hiện quy định tại **Phụ lục 03**.

+ ***Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội***

+ Danh sách và thông tin về các đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở SXKD thuộc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan Thống kê các cấp phối hợp với cơ quan Nội vụ các cấp thực hiện.

+ Danh sách và thông tin về các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội ngoài công lập và cơ sở SXKD thuộc các đơn vị này do Cục Thống kê thực hiện.

Nội dung, quy trình thực hiện quy định tại ***Phụ lục 04***.

- ***Cơ sở SXKD cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng***: Nội dung, quy trình thực hiện quy định tại ***Phụ lục 05***.

b) Điều tra chọn mẫu: Thực hiện đối với các đối tượng, đơn vị điều tra được chọn mẫu nhằm thu thập một số thông tin chi tiết cho từng loại đơn vị điều tra. Số lượng, phương pháp và quy trình chọn mẫu được quy định riêng cho từng loại đơn vị điều tra.

Doanh nghiệp: Điều tra chọn mẫu kết quả SXKD thuộc doanh nghiệp và cơ sở trực thuộc doanh nghiệp. Quy trình chọn mẫu được quy định tại ***Phụ lục 06***.

Cơ sở SXKD cá thể: Chọn mẫu cơ sở SXKD cá thể để thu thập thông tin chi tiết về kết quả SXKD theo chuyên ngành. Việc chọn mẫu do các Ban Chỉ đạo Tổng điều tra cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là BCĐ cấp tỉnh) thực hiện theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương (viết gọn là BCĐ TW) bằng phần mềm thống nhất toàn quốc. Quy trình chọn mẫu được quy định tại ***Phụ lục 06***.

2. Phương pháp thu thập thông tin

a) Khai thác dữ liệu từ hồ sơ hành chính

Xây dựng danh sách nền từ các nguồn dữ liệu hành chính từ Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh) về đơn vị điều tra.

Xử lý, kiểm tra, ánh xạ dữ liệu từ Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước để tích hợp thông tin vào kết quả Tổng điều tra.

BCĐ cấp tỉnh thực hiện khai thác dữ liệu ban đầu theo hướng dẫn của BCĐTW.

b) Thực hiện thu thập thông tin

(1) Đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội: Thực hiện cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của Tổng điều tra kinh tế 2021 (viết gọn là Trang thông tin điện tử TĐT). Điều tra viên có trách nhiệm cung cấp tài khoản, mật khẩu để đơn vị điều tra đăng nhập vào hệ thống và hướng dẫn người cung cấp thông tin điền thông tin vào bảng hỏi điện tử (web-form) trên Trang thông tin điện tử TĐT.

(2) Đối với cơ sở SXKD cá thể và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: Điều tra viên đến từng cơ sở gặp người cung cấp thông tin (chủ cơ sở) để phỏng vấn, kết hợp quan sát đối tượng điều tra để ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử (CAPI) được thiết kế trên thiết bị điện tử cầm tay.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ THÔNG TIN

1. Xử lý dữ liệu ban đầu

Xây dựng và xử lý các cơ sở dữ liệu về đơn vị điều tra phục vụ phân chia các hình thức thu thập thông tin theo bảng hỏi điện tử (web-form), phiếu điện tử (CAPI).

2. Xử lý thông tin phiếu điều tra

a) Bảng hỏi điện tử (web-form): Thông tin trên phiếu trực tuyến được lưu trữ trên máy chủ của Tổng cục Thống kê sau khi doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp hoàn thành việc cung cấp thông tin. Dữ liệu điều tra được kiểm tra và tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung phục vụ công tác làm sạch và xử lý, tổng hợp kết quả Tổng điều tra.

b) Phiếu điện tử (CAPI): Thông tin trên phiếu điện tử được điều tra viên hoàn thành và gửi về máy chủ của Tổng cục Thống kê ngay sau quá trình điều tra thực tế tại địa bàn. Dữ liệu được kiểm tra, duyệt và nghiệm thu bởi các giám sát viên cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện); tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) và Trung ương.

c) Tích hợp vào dữ liệu chung và chiết xuất dữ liệu

Dữ liệu điều tra từ phiếu điện tử; dữ liệu điều tra từ bảng hỏi điện tử và dữ liệu điều tra của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung Tổng điều tra. Sau đó, dữ liệu được làm sạch, xử lý và tổng hợp kết quả điều tra.

Dữ liệu Tổng điều tra được chiết xuất và lưu trữ dưới các định dạng Excel, SPSS, Stata để phục vụ phân tích dữ liệu và viết báo cáo kết quả Tổng điều tra.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

Kế hoạch thực hiện các nội dung chính của Tổng điều tra như sau:

Nội dung	Thời gian	Cơ quan chủ trì
I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ		
1. Xây dựng Phương án, thiết kế phiếu điều tra (bảng hỏi điện tử), giải thích nội dung thông tin thu thập	Tháng 5-8/2020	BCĐ TW
2. Biên soạn tài liệu hướng dẫn điều tra, sổ tay	Tháng 5-11/2020	
3. Xây dựng hệ thống phần mềm xử lý Tổng điều tra, bao gồm: - Trang Web điều hành tác nghiệp; phần mềm thu thập, xử lý, tổng hợp - Phổ biến cơ sở dữ liệu	Tháng 10-12/2020 Năm 2020	

4. Hạ tầng công nghệ thông tin (máy chủ, đường truyền, thiết bị lưu trữ, thiết bị bảo mật, thiết bị phục vụ thu thập thông tin	Tháng 01-07/2021	
5. In và phát tài liệu	Tháng 01/2021	
6. Tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên, quản trị hệ thống khối doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp	Tháng 01/2021	BCĐ các cấp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
7. Tập huấn nghiệp vụ các cấp	Tháng 01-5/2021	
8. Xây dựng danh sách đơn vị điều tra từ nguồn dữ liệu của các cơ quan liên quan	Tháng 01/2021	
9. Lập bảng kê đơn vị điều tra		
9.1. Đơn vị điều tra sự nghiệp, hiệp hội	Tháng 02/2021	BCĐ các cấp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
9.2. Cơ sở cá thể, tôn giáo, tín ngưỡng	Tháng 5- ngày 15/6/2021	BCĐ các cấp
10. Chọn mẫu đơn vị điều tra		
10.1. Doanh nghiệp	Tháng 02/2021	Tổ TT TW
10.2. Cơ sở cá thể	Từ 16/6- 20/6/2021	
11. Tuyên truyền các cấp về nội dung cuộc Tổng điều tra	Tháng 1-7/2021	BCĐ các cấp
12. Tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên, quản trị hệ thống khối cá thể, tôn giáo	Tháng 5/2021	
II. TRIỂN KHAI THU THẬP THÔNG TIN		
1. Doanh nghiệp		
1.1. Thu thập thông tin	Tháng 03-5/2021	BCĐ các cấp, Bộ Quốc, phòng, Bộ Công an
1.2. Kiểm tra, làm sạch thông tin, mã sản phẩm, mã ngành kinh tế, xác minh thông tin bằng hỏi điện tử	Tháng 03-7/2021	
1.3. Kiểm tra, làm sạch dữ liệu; xử lý, ánh xạ chỉ tiêu từ Tổng cục Thuế và tích hợp vào hệ thống thông tin Tổng điều tra	Tháng 4-10/2021	Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT (viết gọn Cục TTDL)
2. Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội		
2.1. Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội cấp Trung ương		
2.1.1. BCĐ TW phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn các Bộ, ngành thực hiện thu thập thông tin	Tháng 02/2021	BCĐ TW, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
2.1.2. Các Bộ, ngành thực hiện cung cấp thông tin	Tháng 3-4/2021	Tổ Công tác Bộ, ngành
2.1.3. Kiểm tra, làm sạch và xác minh thông tin	Tháng 4-5/2021	Cục TTDL
2.2. Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội cấp địa phương		
2.2.1. Thu thập thông tin	Tháng 3-4/2021	BCĐ các cấp, Bộ Quốc
2.2.2. Kiểm tra, làm sạch và xác minh thông tin	Tháng 4-5/2021	
2.2.3. Kiểm tra, làm sạch và xác minh thông tin cấp TW	Tháng 7-8/2021	Cục TTDL

3. Cơ sở cá thể, tôn giáo, tín ngưỡng		
3.1. Thu thập thông tin cơ sở SXKD cá thể	Tháng 7/2021	BCĐ các cấp
3.2. Kiểm tra, làm sạch và xác minh thông tin		
3.2.1. Cấp xã kiểm tra các lỗi trên phần mềm và báo điều tra viên làm sạch hoàn thiện phiếu	Trước 15/8/2021	BCĐ cấp xã
3.2.2. Cấp huyện kiểm tra làm sạch số liệu	Trước 31/8/2021	BCĐ cấp huyện
3.2.3. Cấp tỉnh kiểm tra làm sạch số liệu	Trước 15/9/2021	BCĐ cấp tỉnh
3.2.4. Cấp trung ương kiểm tra làm sạch số liệu	Trước 15/10/2021	Cục TTDL
III. KIỂM TRA, GIÁM SÁT, THANH TRA CÁC HOẠT ĐỘNG TỔNG ĐIỀU TRA	Tháng 02-8/2021	BCĐ các cấp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
IV. Nghiệm thu kết quả điều tra các cấp	Tháng 6-10/2021	
V. Xử lý, tổng hợp sơ bộ kết quả Tổng điều tra		
5.1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả sơ bộ Tổng điều tra	Tháng 10-11/2021	Bộ KHĐT (TCTK)
5.2. Công bố kết quả sơ bộ; đưa lên cổng thông tin và trang điều hành của Bộ KHĐT	Tháng 12/2021	Tổng cục trưởng TCTK
VI. CÔNG BỐ KẾT QUẢ CHÍNH THỨC TỔNG ĐIỀU TRA		
6.1. Biên soạn sách trắng doanh nghiệp, sách trắng hợp tác xã	Tháng 01/2022	Bộ KHĐT (TCTK)
6.2. Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả chính thức Tổng điều tra	Quý 1/2022	
6.3. Công bố kết quả chính thức Tổng điều tra và đưa lên cổng thông tin của Bộ KHĐT và của Chính phủ	Tháng 2/2022	Tổng cục trưởng TCTK
6.4. Biên soạn, xuất bản ấn phẩm kết quả chính thức và các ấn phẩm chuyên đề Tổng điều tra	Tháng 6-12/2022	Bộ KHĐT (TCTK)
6.5. Xây dựng các cơ sở dữ liệu, phân tích chuyên sâu kết quả Tổng điều tra.	Tháng 12/2022	
VII. TỔNG KẾT, KHEN THƯỞNG TỔNG ĐIỀU TRA CÁC CẤP	Quý 2/2022	BCĐ TW

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập BCĐ các cấp

a) Cấp Trung ương

- BCĐ Tổng điều tra kinh tế Trung ương được thành lập theo Quyết định số 752/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Trưởng ban, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê làm Phó Trưởng ban thường trực, 01 Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê làm Ủy viên thường trực; Đại diện Lãnh đạo các Bộ, ngành: Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ,

Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

- BCD TW có trách nhiệm xây dựng và ban hành Phương án Tổng điều tra, tổ chức chỉ đạo thực hiện cuộc Tổng điều tra theo đúng kế hoạch, nội dung và phương án phê duyệt.

Tổng cục Thống kê phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn các Bộ, ngành thành lập Tổ công tác để tổ chức thu thập thông tin đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước ở cấp Trung ương theo hướng dẫn của BCD TW. Các cơ sở trực thuộc của cơ quan Nhà nước tổ chức theo ngành dọc ở cấp địa phương do BCD cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức điều tra.

- Tổ Thường trực Tổng điều tra kinh tế Trung ương (viết gọn là Tổ TT TW) là bộ phận thường trực giúp BCD TW tổ chức chỉ đạo Tổng điều tra, có trụ sở đặt tại Tổng cục Thống kê, 54 Nguyễn Chí Thanh.

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

Cuộc Tổng điều tra được tổ chức thực hiện theo các cấp hành chính. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của hai ngành hoạt động quản lý Nhà nước về quốc phòng và an ninh, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thành lập riêng hai BCD Tổng điều tra, triển khai điều tra riêng theo sự chỉ đạo ngành dọc từ trung ương đến địa phương của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an nhưng thống nhất với nội dung phương án Tổng điều tra của cả nước.

Tổ TT Tổng điều tra của mỗi Bộ là bộ phận thường trực giúp BCD Tổng điều tra của mỗi Bộ để tổ chức triển khai Tổng điều tra.

c) Cấp địa phương

BCD và Tổ TT các cấp ở địa phương được thành lập theo quy định tại Công văn số 4854/BCĐTW-TTT ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chuẩn bị Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

BCD các cấp ở địa phương có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện cuộc Tổng điều tra tại địa phương mình theo đúng hướng dẫn của BCD TW; đồng thời tham mưu về chủ trương, giải pháp để hỗ trợ các cấp, các ngành trong Tổng điều tra.

2. Xác định địa bàn và lập bảng kê các đơn vị điều tra

a) Doanh nghiệp

Tổ TT TW xây dựng danh sách đơn vị điều tra từ các nguồn dữ liệu của Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

b) Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội

(1) Thu thập thông tin định danh về đơn vị điều tra là các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ sở SXKD trực thuộc các đơn vị này: BCD các cấp tổ chức thực hiện và được tiến hành cùng thời điểm với cuộc điều tra các cơ sở hành chính do Bộ Nội vụ thực hiện.

(2) Thu thập thông tin định danh về đơn vị điều tra là các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, hiệp hội và các cơ sở SXKD trực thuộc các đơn vị này do BCD các cấp ở địa phương thực hiện.

(Quy trình thu thập thông tin quy định tại Phụ lục 04).

BCD cấp tỉnh hoàn thành thông tin định danh về các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, cơ sở SXKD thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trước ngày 25/2/2021.

c) Cơ sở SXKD cá thể

(1) Quy định địa bàn điều tra

Địa bàn điều tra cơ sở SXKD cá thể là tổ dân phố, thôn, ấp, bản. Các khu vực tập trung nhiều cơ sở SXKD cá thể như chợ, siêu thị, trung tâm thương mại thì mỗi khu vực này là một địa bàn điều tra riêng và giao cho các Ban quản lý những khu vực đó phối hợp triển khai thu thập thông tin.

BCD các cấp căn cứ vào hướng dẫn và tình hình thực tế để phân chia số lượng địa bàn điều tra cho mỗi điều tra viên, giám sát viên cho phù hợp.

(2) Thực hiện thu thập thông tin cơ bản của toàn bộ cơ sở SXKD cá thể

Điều tra viên tiến hành thu thập thông tin cơ bản của toàn bộ cơ sở SXKD cá thể thực tế tại địa bàn và hoàn thành trước 15/6/2021. *(Quy trình thu thập thông tin về cơ sở SXKD cá thể quy định tại Phụ lục 05)*

d) Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng

Thông tin về các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: Do Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) cung cấp thông tin ban đầu; BCD các cấp cập nhật thông tin định danh về các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng do UBND các cấp quản lý, theo dõi. Thông tin thực tế về các đơn vị điều tra thuộc khối tôn giáo hoàn thành trước ngày 15/6/2021.

đ) Tổng hợp thông tin về đơn vị điều tra toàn bộ

Tổng hợp thông tin về đơn vị điều tra doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp theo từng địa bàn điều tra để làm căn cứ chọn mẫu điều tra, phân chia số lượng đơn vị điều tra và địa bàn điều tra cho điều tra viên theo từng loại đơn vị điều tra: doanh nghiệp; cơ sở SXKD cá thể phi NLTS; đơn vị sự nghiệp; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

e) Danh sách các đơn vị điều tra mẫu

- Doanh nghiệp: Tổ TT TW thực hiện chọn mẫu doanh nghiệp, hợp tác xã và gửi danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã được chọn mẫu cho BCD cấp tỉnh để tiến hành điều tra doanh nghiệp giai đoạn 2.

- Cơ sở SXKD cá thể: Tổ TT cấp tỉnh thực hiện chọn mẫu theo hướng dẫn của BCD TW, sử dụng phần mềm máy tính thống nhất trên toàn quốc. Thời gian hoàn thành việc rà soát, chọn mẫu và danh sách cơ sở mẫu trước ngày 20/6/2021.

3. Tuyển dụng điều tra viên, giám sát viên và quản trị hệ thống

a) Nhiệm vụ của điều tra viên, giám sát viên và quản trị hệ thống

(1) Nhiệm vụ của điều tra viên

- *Khối doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội*

+ Tham dự đầy đủ và nghiêm túc lớp tập huấn dành cho điều tra viên;

+ Liên hệ với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp cung cấp tài khoản (tên đăng nhập, mật khẩu) và hướng dẫn người cung cấp thông tin truy cập vào Trang thông tin điện tử TĐT và khai thông tin theo bảng hỏi điện tử;

+ Hướng dẫn qui trình kê khai và giải đáp thắc mắc cho người cung cấp cung cấp thông tin theo yêu cầu của phương án điều tra;

+ Kiểm soát tiến độ, đôn đốc, nhắc nhở, hỗ trợ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trả lời chính xác và đầy đủ các chỉ tiêu trong bảng hỏi phù hợp với ngành nghề SXKD thực tế của cơ sở;

+ Kiểm tra logic, chất lượng thông tin do cơ sở cung cấp và liên hệ lại nếu cần xác minh, chỉnh sửa và cập nhật lại thông tin trên Trang thông tin điện tử TĐT;

+ Ghi mã, chuyển đổi những chỉ tiêu liên quan theo các bảng mã quy định đơn vị hành chính, ngành kinh tế, sản phẩm sản xuất, tiêu thụ và tồn kho...);

+ Báo cáo cho Tổ thường trực cấp tỉnh, huyện những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thu thập thông tin nằm ngoài qui định của phương án điều tra;

+ Định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả công việc được phân công.

- *Khối cá thể, tôn giáo*

+ Tham dự đầy đủ và nghiêm túc lớp tập huấn dành cho điều tra viên;

+ Trực tiếp đến các đơn vị điều tra được phân công để phỏng vấn thu thập thông tin của cơ sở theo đúng yêu cầu;

+ Thực hiện đầy đủ các quy định đối với điều tra viên trong quy trình thu thập thông tin và hoàn thành các công việc có liên quan khác.

(2) Nhiệm vụ của giám sát viên

- + Giám sát Ban chỉ đạo cấp huyện tập huấn cho Ban chỉ đạo cấp xã và điều tra viên;
- + Theo dõi sát tiến độ thu thập thông tin của điều tra viên được phân công quản lý; đôn đốc điều tra viên thực hiện đúng tiến độ thu thập thông tin theo quy định;
- + Báo cáo cho Tổ Thường trực cấp tỉnh/huyện những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thu thập thông tin doanh nghiệp nằm ngoài quy định của Phương án điều tra;
- + Định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả công việc được phân công.

(3) Nhiệm vụ của quản trị hệ thống

- + Đảm bảo ổn định, thường xuyên, liên tục hệ thống thu thập thông tin của Tổng điều tra;
- + Quản lý toàn bộ tài khoản của Tổ thường trực, giám sát viên, điều tra viên, doanh nghiệp thuộc cấp quản lý (tài khoản sử dụng);
- + Phân quyền cho các tài khoản sử dụng theo qui định;
- + Cập nhật các thông tin liên quan đến Tổng điều tra: Văn bản pháp lý liên quan, thông báo nghiệp vụ, danh sách đơn vị điều tra.

b) Số lượng điều tra viên cần tuyển chọn

- Số lượng điều tra viên: Cần tuyển chọn điều tra viên cho việc thu thập thông tin. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa bàn điều tra, BCD từng cấp ở địa phương cần xác định định mức theo địa bàn điều tra hoặc số lượng đơn vị điều tra phù hợp cho mỗi điều tra viên.
- Để đảm bảo tính chủ động và tiến độ Tổng điều tra, cần tuyển chọn và tập huấn dự phòng thêm 3% số điều tra viên.

c) Tuyển chọn điều tra viên và giám sát viên

- BCD cấp tỉnh, huyện, xã chịu trách nhiệm tuyển chọn điều tra viên, thích hợp cho từng loại đơn vị điều tra. BCD cấp huyện chịu trách nhiệm hướng dẫn BCD cấp xã tuyển chọn điều tra viên cho từng địa bàn điều tra thuộc địa phương.
- Cuộc Tổng điều tra kinh tế gồm 03 cấp giám sát: Giám sát viên cấp Trung ương, giám sát viên cấp tỉnh và giám sát viên cấp huyện với nhiệm vụ giám sát hoạt động của điều tra viên, hỗ trợ chuyên môn cho người tham gia điều tra ở cấp dưới. Giám sát viên các cấp là công chức, viên chức ngành thống kê được trung tập cho cuộc điều tra.

4. Tập huấn BCD các cấp, giám sát viên, quản trị hệ thống và điều tra viên

a) Cấp Trung ương

Tổng cục Thống kê mở các Hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho giám sát viên cấp Trung ương, thành viên Tổ công tác cấp Trung ương, công chức thống kê Trung ương có liên quan, lãnh đạo Cục Thống kê và giảng viên cấp tỉnh.

- Hội nghị tập huấn nghiệp vụ điều tra: Thời gian hội nghị 2 ngày.

- Hội nghị tập huấn sử dụng thiết bị và phần mềm để thực hiện bảng hỏi điện tử: Thời gian hội nghị 2 ngày.

Thành phần và số lượng do Tổng cục trưởng quy định cho từng hội nghị.

b) Cấp tỉnh

Cục Thống kê tổ chức tập huấn trực tiếp cho thành viên Tổ TT cấp tỉnh, giám sát viên cấp tỉnh và giảng viên cấp huyện.

- Tập huấn nghiệp vụ điều tra, sử dụng thiết bị và phần mềm: Thời gian hội nghị 2 ngày.

- Tập huấn công tác phân cấp, kiểm tra giám sát cho các giám sát viên cấp tỉnh và cấp huyện. Thời gian hội nghị 2 ngày.

Thành phần và số lượng do Cục trưởng Cục Thống kê quy định cho từng hội nghị.

c) Cấp huyện

Cục Thống kê hoặc Chi cục Thống kê tổ chức tập huấn trực tiếp cho giám sát viên cấp huyện, điều tra viên.

- Tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên, giám sát viên Phiếu cá thể, tôn giáo. Thời gian tập huấn: 1 ngày;

- Hướng dẫn sử dụng thiết bị di động để thu thập thông tin trên Phiếu điều tra điện tử cho điều tra viên và giám sát viên. Thời gian tập huấn: 1 ngày.

5. Hoạt động tuyên truyền

a) Công tác tuyên truyền

- Cần tập trung làm rõ mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung, kế hoạch, trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân trong quá trình thực hiện Tổng điều tra.

- BCD các cấp cần duy trì tối đa các nguồn lực phục vụ công tác tuyên truyền Tổng điều tra đảm bảo thiết thực hiệu quả.

b) Thời gian thực hiện hoạt động tuyên truyền

- Tuyên truyền nội dung chung về Tổng điều tra và chuyên đề về doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp bắt đầu từ tháng 02 năm 2021.

- Tuyên truyền nội dung Tổng điều tra về cơ sở cá thể, tôn giáo từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2021.

6. Triển khai thu thập thông tin

a) Thu thập thông tin qua web-form

Thu thập thông tin qua web-form được áp dụng chung cho cả hai giai đoạn điều tra toàn bộ và điều tra chọn mẫu, bao gồm các công việc sau:

- Điều tra viên liên hệ và cung cấp tài khoản cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội;

- Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đăng nhập vào hệ thống và thực hiện cung cấp thông tin theo hướng dẫn của điều tra viên;

- Sau khi doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội hoàn thành cung cấp thông tin, điều tra viên có trách nhiệm kiểm tra chất lượng thông tin kê khai, xác minh lại thông tin do doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đã cung cấp (nếu cần) và tiến hành hoàn thiện bảng hỏi điện tử;

- Bảng hỏi điện tử được kiểm tra, làm sạch, điều tra viên thực hiện ghi mã sản phẩm/dịch vụ (theo mã ngành sản phẩm VCPA 2018) do doanh nghiệp, chi nhánh của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đã kê khai và xác nhận hoàn thành bảng hỏi điện tử trên hệ thống.

b) Thu thập thông tin qua phỏng vấn trực tiếp

- Đối với việc thu thập thông tin tại cơ sở SXKD cá thể: Trước khi đến hộ, điều tra viên cùng giám sát viên kiểm tra lại thiết bị di động và thông tin định danh của từng địa bàn điều tra. Thiết bị di động (máy tính bảng, điện thoại thông minh) được huy động từ các điều tra viên hoặc các tổ chức tại địa phương theo hình thức hỗ trợ thuê thiết bị.

- Đối với những cơ sở điều tra đầu tiên, điều tra viên đi cùng cán bộ tổ dân phố, thôn (ấp, bản), giám sát viên để cùng phỏng vấn chủ cơ sở, đồng thời xem xét các thông tin chủ cơ sở cung cấp có sát với thực tế hay không, từ đó rút kinh nghiệm phương pháp phỏng vấn đối với các cơ sở tiếp theo.

Trong quá trình thu thập thông tin, nếu chủ cơ sở chưa rõ câu hỏi, điều tra viên cần giải thích thêm. Điều tra viên chỉ ghi vào phiếu những thông tin trung thực và đã được kiểm tra, nhất là các thông tin về doanh thu, sản lượng SXKD. Điều tra viên tuyệt đối không được tự ý ghi chép vào phiếu những thông tin sai sự thật dưới mọi hình thức.

- Đối với các đơn vị điều tra là cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng điều tra viên cần thông báo trước cho các đơn vị điều tra về thời gian điều tra viên đến và khoảng thời gian cần thiết dành cho việc thu thập thông tin.

7. Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc Tổng điều tra, BCD các cấp có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc giám sát, kiểm tra kết hợp thanh tra thường xuyên hoặc đột xuất trong suốt thời gian tập huấn, thu thập, thông tin.

Lực lượng giám sát, kiểm tra, thanh tra ở Trung ương gồm thành viên BCD TW và Tổ TT TW; công chức Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ; Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng; Cục TTDL; Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia; Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản; Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê; Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê; Viện Khoa học Thống kê và các đơn vị liên quan. Lực lượng giám sát, kiểm tra, thanh tra ở địa phương là các thành viên BCD, Tổ TT các cấp; công chức; thanh tra Cục Thống kê và công chức các Chi cục Thống kê.

Nội dung giám sát, kiểm tra, thanh tra gồm: Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức các lớp tập huấn, thu thập thông tin của đơn vị điều tra, số lượng và chất lượng thông tin do cơ sở cung cấp, các thủ tục hành chính, kiểm tra thực địa tại địa bàn,...

Hình thức giám sát, kiểm tra, thanh tra: Kiểm tra chéo, cấp trên giám sát, kiểm tra, thanh tra cấp dưới, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất, kiểm tra trọng điểm, tổng kiểm tra trước khi nghiệm thu. BCD cấp trên kiểm tra điển hình việc tổ chức và thực hiện điều tra đối với cấp dưới để phát hiện và giải quyết tại chỗ, kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình điều tra.

Nhằm bảo đảm chất lượng của thông tin thu thập tại địa bàn trước khi nghiệm thu, BCD cấp xã kiểm tra thông tin phiếu điều tra điện tử trên phần mềm. Công tác kiểm tra phiếu của các điều tra viên cần được thực hiện thường xuyên, không để dồn nhiều ngày.

8. Nghiệm thu

a) Tổ chức nghiệm thu ở các cấp

BCD cấp huyện nghiệm thu kết quả Tổng điều tra của BCD cấp xã và điều tra viên: hoàn thành trước 20/8/2021;

BCD cấp tỉnh nghiệm thu kết quả Tổng điều tra của BCD cấp huyện: hoàn thành trước ngày 10/9/2021;

BCD TW nghiệm thu kết quả Tổng điều tra của BCD cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an: hoàn thành trước 01/10/2021.

(Riêng khối doanh nghiệp thời gian và quy trình nghiệm thu được ghi chi tiết tại **Phụ lục 03**)

b) Nội dung nghiệm thu

Nội dung nghiệm thu được thực hiện đối với từng loại phiếu, mức độ đầy đủ các chỉ tiêu và chất lượng số liệu của phiếu. Các thành phần tham gia nghiệm thu cùng lập và ký biên bản nghiệm thu và chịu trách nhiệm về kết quả đã nghiệm thu.

9. Công bố kết quả

Thông tin về kết quả Tổng điều tra do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê công bố theo quy định của pháp luật.

Cục trưởng Cục Thống kê cấp tỉnh công bố kết quả Tổng điều tra ở địa phương mình theo đúng kết quả do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã công bố.

Số liệu sơ bộ công bố vào tháng 12 năm 2021.

Kết quả chính thức Tổng điều tra công bố vào tháng 2 năm 2022.

10. Một số nội dung liên quan khác

a) Tổng kết, khen thưởng và kỷ luật

(1) Tổng kết

Tổng kết Tổng điều tra được tiến hành ở ba cấp: Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện.

- Ở Trung ương: BCD TW tổ chức hội nghị toàn quốc tổng kết Tổng điều tra. Thành phần tham dự gồm: BCD và Tổ TT TW; đại diện BCD, Tổ TT Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; đại diện BCD, Tổ TT cấp tỉnh; đại diện các tập thể và cá nhân được nhận bằng khen.

- Ở cấp tỉnh: BCD cấp tỉnh tổ chức hội nghị tổng kết Tổng điều tra trên địa bàn tỉnh. Thành phần tham dự gồm: BCD và Tổ TT cấp tỉnh; đại diện BCD, Tổ TT cấp huyện; đại diện các tập thể và cá nhân được nhận bằng khen.

- Ở cấp huyện: BCD cấp huyện tổ chức hội nghị tổng kết Tổng điều tra trên địa bàn huyện. Thành phần tham dự gồm: BCD và Tổ TT cấp huyện; đại diện BCD cấp xã.

(2) Khen thưởng

Những tập thể, cá nhân lập thành tích trong cuộc Tổng điều tra sẽ được xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

BCD TW giao Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê hướng dẫn công tác khen thưởng cho BCD cấp tỉnh; BCD Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và là cơ quan đầu mối thẩm định, rà soát hồ sơ khen thưởng trình Hội đồng thi đua - khen thưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định và trình cấp trên khen thưởng.

Đối với hình thức khen thưởng là Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân trong cuộc Tổng điều tra tại địa phương; BCD cấp tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định và bố trí kinh phí khen thưởng theo quy định của pháp luật.

(3) Kỷ luật

Những tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật thống kê trong cuộc Tổng điều tra sẽ bị kỷ luật theo quy định. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

b) Vật tư, văn phòng phẩm

(1) Vật tư, văn phòng phẩm chủ yếu sử dụng trong cuộc Tổng điều tra bao gồm: Thẻ thành viên BCD, thẻ điều tra viên, sổ tay ghi chép, bút bi,... phục vụ tập huấn và điều tra.

(2) Đối tượng sử dụng vật tư, văn phòng phẩm là thành viên BCD các cấp, giảng viên các lớp tập huấn, giám sát viên và điều tra viên. Vật tư, văn phòng phẩm được giao cho người sử dụng phù hợp với nhiệm vụ được phân công thực hiện.

(3) Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm in, mua sắm và phân phối những vật tư, văn phòng phẩm theo đúng hướng dẫn của BCD TW.

c) Công nghệ thông tin phục vụ Tổng điều tra

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chịu trách nhiệm chuẩn bị hạ tầng và xây dựng hệ thống phần mềm bảo đảm phục vụ công tác điều hành, thu thập, xử lý và tổng hợp dữ liệu Tổng điều tra.

d) Lưu trữ và bảo mật dữ liệu

(1) Toàn bộ thông tin thu thập tại địa bàn được bảo mật và lưu trữ theo quy định của pháp luật hiện hành.

(2) Trách nhiệm về bảo mật và lưu trữ thông tin: Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm bảo mật thông tin do BCD cấp tỉnh giao nộp.

(3) Việc bàn giao dữ liệu điều tra được thực hiện thông qua biên bản bàn giao tài liệu phải đảm bảo đầy đủ các thủ tục hành chính quy định.

X. KINH PHÍ ĐIỀU TRA

Kinh phí Tổng điều tra do ngân sách Nhà nước bảo đảm cho mọi hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo Thông tư số 109/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

BCD TW giao Tổng cục Thống kê hướng dẫn BCD các cấp việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cụ thể cho các hoạt động của cuộc Tổng điều tra theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế và đặc thù của từng đơn vị, thực hiện chi trả đúng định mức, đúng đối tượng, đảm bảo chất lượng công việc được giao và chấp hành đúng các quy định về chế độ tài chính.

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1096/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về tổ chức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 (viết tắt là Điều tra CSHC) trên phạm vi cả nước nhằm thu thập thông tin cơ bản về số cơ sở hành chính, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở hành chính; kết quả thu chi của cơ sở hành chính ở nước ta phục vụ việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực... đáp ứng yêu cầu quản lý của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương; tổng hợp các chỉ tiêu thống kê chính thức năm 2020 của các chuyên ngành có liên quan đến khối cơ quan hành chính (số cơ sở hành chính, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở hành chính; kết quả thu, chi của cơ sở hành chính...); cập nhật cơ sở dữ liệu và dàn mẫu tổng thể về cơ sở hành chính cho các cuộc điều tra chọn mẫu trong những năm tiếp theo của ngành Nội vụ, các Bộ, ngành, địa phương; phục vụ việc đánh giá toàn diện thực trạng và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, làm cơ sở đánh giá tình hình, xây dựng kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

Điều 2. Nội dung Điều tra cơ sở hành chính năm 2021

Nội dung Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 tập trung vào năm nhóm thông tin lớn sau:

1. Thông tin nhận dạng cơ sở:

- Tên, địa chỉ, số điện thoại;
- Mã số thuế, mã đơn vị sử dụng ngân sách;

- Ngành hoạt động chính (theo VSIC 2018);
- Loại hình tổ chức (cơ quan thuộc hệ thống lập pháp; hành pháp; tư pháp; Đảng Cộng sản Việt Nam; Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội).

2. Thông tin về lao động, thu nhập của người lao động

- Thông tin về người đứng đầu cơ sở;
- Lao động của cơ sở (phân tổ theo trình độ chuyên môn được đào tạo, giới tính, độ tuổi, loại lao động);
- Thu nhập của người lao động năm 2020.

3. Kết quả thu, chi năm 2020.

- Tổng thu. Bao gồm các khoản thu từ ngân sách nhà nước; thu từ hoạt động của cơ sở; thu từ ủng hộ, viện trợ của cá nhân, tổ chức trong, ngoài nước; các khoản thu khác.

- Tổng chi. Bao gồm chi hoạt động; chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm và sửa chữa lớn TSCĐ; các khoản chi khác.

4. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của cơ sở hành chính

- Hạ tầng công nghệ thông tin;
- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn, quản lý tại cơ sở hành chính;
- Các thông tin khác.

5. Nhóm thông tin theo chuyên đề cần đánh giá

a) Thông tin về tài sản cố định

- Nguyên giá;
- Giá trị hao mòn TSCĐ.

b) Đất

- Tổng diện tích đất cơ sở hành chính đang sử dụng
- Trong đó: Diện tích đã cấp chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 3. Cuộc điều tra cơ sở hành chính được tiến hành vào năm 2021. Thời gian thu thập thông tin từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021.

Kết quả cuộc điều tra chính thức công bố vào trước ngày 30/12/2021.

Điều 4. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương

1. Bộ Nội vụ:

a) Thành lập Ban Chỉ đạo Điều tra CSHC Trung ương do Bộ trưởng Bộ Nội vụ làm Trưởng ban, gồm đại diện lãnh đạo các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Quốc phòng, Công an; Vụ trưởng các Vụ chức năng của Bộ Nội vụ: Kế hoạch - Tài chính, Công chức - Viên chức, Tổ chức - Biên chế, Chính quyền địa phương.

b) Hướng dẫn thành lập Ban Chỉ đạo Điều tra tại Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, Ban Chỉ đạo Điều tra các cấp ở địa phương. Ban Chỉ đạo Điều tra Trung ương sử dụng con dấu của Bộ Nội vụ;

b) Chủ trì xây dựng phương án điều tra; tổ chức điều tra thí điểm để hoàn thiện phương án điều tra, quyết định ban hành phương án điều tra. Phương án điều tra được xây dựng trên cơ sở khai thác tối đa nguồn số liệu từ hồ sơ hành chính hoặc các cuộc điều tra khác;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan, các địa phương tổ chức, chỉ đạo thực hiện điều tra, tổng hợp, công bố kết quả điều tra;

d) Xây dựng dự toán kinh phí điều tra và tổng hợp trong dự toán ngân sách năm 2020 và 2021 của Bộ Nội vụ gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức điều tra theo ngành dọc trên cơ sở phương án điều tra, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Điều tra Trung ương và gửi kết quả về Ban Chỉ đạo Điều tra Trung ương để tổng hợp chung kết quả của toàn quốc;

3. Các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo và thực hiện điều tra thống nhất theo yêu cầu và hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Điều tra Trung ương.

Điều 5. Kinh phí thực hiện cuộc điều tra cơ sở hành chính năm 2021 do ngân sách Nhà nước đảm bảo, Bộ Nội vụ (Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ) thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Lê Vĩnh Tân

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1006/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021****BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Nội vụ, Ủy viên thường trực Ban chỉ đạo điều tra cơ sở hành chính Trung ương năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương, Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Bộ Công an, các Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng phương án quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Nội vụ và Trưởng ban các Ban Chỉ đạo có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

BỘ TRƯỞNG*(Đã ký)***Lê Vĩnh Tân****TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO ĐIỀU TRA
CƠ SỞ HÀNH CHÍNH TRUNG ƯƠNG**

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021****BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1006/QĐ-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Nội vụ, Ủy viên thường trực Ban chỉ đạo điều tra cơ sở hành chính Trung ương năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 ban hành theo Quyết định số 1006/QĐ-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ những nội dung sau:

1. Điều chỉnh các Phụ lục:

- Phiếu thu thập thông tin về đơn vị hành chính: Phiếu 1/HC-TB.

- Bảng kê hành chính: Mẫu số 03.1-BK/TĐTKT-DSTW và Mẫu số 03.2-BK/TĐTKT-DSĐP.

- Phụ lục I: Giải thích, hướng dẫn cách ghi phiếu thu thập thông tin cơ sở hành chính, tổ chức chính trị - xã hội trong Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 (Phiếu 1/HC-TB).

- Phụ lục II: Hướng dẫn thu thập danh sách bảng kê đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội trong Điều tra cơ sở hành chính năm 2021.

2. Các nội dung khác tại Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 ban hành theo Quyết định số 1006/QĐ-BBNV ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ không thay đổi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Nội vụ và Trưởng ban các Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương, Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Bộ Quốc Phòng, Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Bộ Công an, các Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Lê Vĩnh Tân
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO ĐIỀU TRA
CƠ SỞ HÀNH CHÍNH TRUNG ƯƠNG

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do – Hạnh phúc****PHƯƠNG ÁN****ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1006/QĐ-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA**1. Mục đích**

Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 (sau đây gọi là Điều tra CSHC 2021) nhằm thu thập thông tin về số cơ sở hành chính, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở hành chính; kết quả thu chi của cơ sở hành chính ở nước ta nhằm đáp ứng các mục đích sau:

Một là, rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực...đáp ứng yêu cầu quản lý của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương;

Hai là, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê chính thức năm 2020 của các chuyên ngành có liên quan đến khối cơ quan hành chính (số cơ sở hành chính, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở hành chính; kết quả thu chi của cơ sở hành chính...);

Ba là, bổ sung số liệu cho các cuộc điều tra thống kê chọn mẫu hàng năm tính toán chỉ tiêu GDP và GRDP, và các chỉ tiêu khác thuộc hệ thống tài khoản quốc gia của cả nước, từng địa phương;

Bốn là, cập nhật cơ sở dữ liệu và dàn mẫu tổng thể về cơ sở hành chính cho các cuộc điều tra chọn mẫu trong những năm tiếp theo của ngành Nội vụ, các Bộ, ngành, địa phương.

2. Yêu cầu

- Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu giữ thông tin cuộc Điều tra phải được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra;

- Bảo đảm thu thập đầy đủ, chính xác, kịp thời, không trùng lặp, không bỏ sót các thông tin quy định trong Phương án điều tra;

- Bảo mật thông tin cá nhân thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê;

- Việc quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc Điều tra phải bảo đảm đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ VÀ PHẠM VI ĐIỀU TRA

1. Đối tượng, đơn vị điều tra:

Gồm các cơ quan Đảng, Nhà nước, các cơ sở trực thuộc cơ quan hành chính có sử dụng con dấu và tài khoản riêng. Cụ thể gồm các đơn vị điều tra sau:

- Các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội ở các cấp từ Trung ương đến địa phương;
- Các tổ chức chính trị - xã hội gồm Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn TNCS HCM, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh;
- Các cơ sở trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức nói trên (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp, cơ sở kinh tế).
- Các đối tượng điều tra, đơn vị điều tra thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an được thực hiện theo phương án điều tra riêng do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xây dựng phù hợp với Phương án điều tra này.

Các đối tượng, đơn vị điều tra thỏa mãn cả ba điều kiện sau:

- Là nơi trực tiếp diễn ra hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị xã hội, quản lý nhà nước, an ninh, quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc;
- Có chủ thể quản lý hoặc người chịu trách nhiệm về các hoạt động tại thời điểm đó;
- Có địa điểm xác định, thời gian hoạt động liên tục.

Đơn vị cơ sở có thể là một cơ quan hoặc chi nhánh của cơ quan hành chính.

Cuộc Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 không bao gồm các đối tượng:

- Các đoàn ngoại giao, Đại sứ quán, Lãnh sự quán nước ngoài, các tổ chức quốc tế đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Phạm vi điều tra

Cuộc Điều tra thực hiện điều tra toàn bộ trên phạm vi cả nước đối với các loại đơn vị điều tra thuộc ngành O theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2018 (VSIC 2018), cụ thể:

- Ngành O: Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị-xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc;

III. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Nội dung Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 tập trung vào 02 phần:

Phần A. Thông tin chung của các đơn vị hành chính: gồm 05 nhóm thông tin

A1. Thông tin định danh:

- Tên, địa chỉ, số điện thoại, email;
- Thông tin về người đứng đầu đơn vị;
- Loại đơn vị, loại hình tổ chức của đơn vị;
- Thông tin về cấu trúc của đơn vị.

A2. Thông tin về lao động của đơn vị

- Lao động thời điểm đầu kỳ (01/01/2020);
- Lao động cuối kỳ (31/12/2020): phân theo loại lao động, phân theo nhóm tuổi, phân theo trình độ chuyên môn, phân theo ngạch công chức và chức năng nghề nghiệp;
- Lao động trả lương các tháng trong năm 2020;
- Tình hình tình giảm biên chế của các đơn vị trong giai đoạn 2015- 2020.

A3. Thông tin về tài sản của đơn vị

- Tài sản đầu kỳ, cuối kỳ;
- Tình hình đầu tư, mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định trong năm;
- Tình hình sử dụng đất của đơn vị.

A4. Thông tin về hoạt động của đơn vị

- Doanh thu, chi phí hoạt động của đơn vị trong năm 2020;
- Thông tin về sản phẩm vật chất và dịch vụ của đơn vị sản xuất ra trong năm 2020.

A5. Ứng dụng công nghệ thông tin và hoạt động đổi mới sáng tạo của đơn vị trong năm 2020

Phần B. Thông tin về các địa điểm trực thuộc đơn vị

- Thông tin định danh về các địa điểm trực thuộc
- Thông tin về lao động các địa điểm
- Thông tin về các sản phẩm thuộc địa điểm và chi phí hoạt động/chi phí sản xuất kinh doanh của các địa điểm trực thuộc.

2. Các loại phiếu điều tra

Các nhóm thông tin cần điều tra được thu thập theo 01 loại phiếu điều tra:

Phiếu 1/HC - TB (Nội dung phiếu điều tra và hướng dẫn, giải thích cách ghi phiếu ban hành kèm theo phương án).

IV. CÁC BẢNG DANH MỤC SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

1. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

2. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

3. Danh mục các đơn vị hành chính ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra;

4. Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;

5. Danh mục các nước và vùng lãnh thổ: Áp dụng Bảng danh mục các nước và vùng lãnh thổ do Tổng cục Thống kê quy định.

6. Danh mục giáo dục, đào tạo của Hệ thống giáo dục quốc dân được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

V. THỜI ĐIỂM, THỜI KỲ ĐIỀU TRA VÀ THỜI GIAN THU THẬP THÔNG TIN

1. Thời điểm Điều tra

Thời điểm điều tra tiến hành vào ngày 01/3/2021.

2. Thời kỳ Điều tra

Những chỉ tiêu thu thập theo thời kỳ được lấy thông tin theo số phát sinh trong năm 2020 hoặc các tháng năm 2020, thời điểm đầu kỳ, cuối kỳ, tùy theo từng chỉ tiêu và đơn vị điều tra, được quy định cụ thể trong phiếu điều tra.

3. Thời gian chuẩn bị và thu thập thông tin tại địa bàn

- Thời gian chuẩn bị thu thập thông tin trong từ ngày 15/01/2021 đến ngày 15/02/2021.

- Thời gian thu thập thông tin trong từ ngày 01/3/2021 đến ngày 30/4/2021;

VI. LOẠI ĐIỀU TRA, PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

1. Loại điều tra

- Thực hiện điều tra toàn bộ đối với các đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội có tại thời điểm ngày 31/12/2020.

2. Phương pháp thu thập thông tin

2.1. Áp dụng phương pháp gián tiếp

Các cơ sở hành chính được cấp tài khoản và mật khẩu để đăng nhập và tự cung cấp thông tin vào phiếu web-form (phiếu điều tra trực tuyến) trên Trang thông tin điện tử của Điều tra cơ sở hành chính theo địa chỉ: cshc.moha.gov.vn.

2.2. Người cung cấp thông tin ở đơn vị điều tra

- Lãnh đạo cơ quan, lãnh đạo văn phòng cơ quan; người quản lý hoặc người phụ trách cơ sở trực thuộc cơ quan hành chính; hoặc người được ủy quyền là người có thể trả lời đầy đủ, chính xác các thông tin trong phiếu điều tra.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ THÔNG TIN

1. Xử lý dữ liệu bảng kê đơn vị điều tra

Xây dựng và xử lý các dữ liệu thuộc danh sách bảng kê các đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội ban đầu, xác định tài khoản, mật khẩu, địa chỉ đăng nhập cho các đơn vị được chọn điều tra, từ đó phục vụ phân chia hình thức thu thập thông tin trên Web-form của các đơn vị.

2. Xử lý thông tin phiếu điều tra

Thông tin trên phiếu trực tuyến được lưu trữ trên máy chủ của Bộ Nội vụ sau khi người cung cấp thông tin của cơ sở hành chính hoàn thành việc cung cấp thông tin. Dữ liệu điều tra sẽ được kiểm tra và tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung của phiếu điện tử và phiếu giấy phục vụ cho công tác làm sạch và xử lý, tổng hợp các kết quả điều tra.

Dữ liệu điều tra được chiết xuất và lưu giữ dưới các định dạng: Excel, SPSS và STATA để phục vụ phân tích dữ liệu và viết báo cáo kết quả điều tra.

3. Xử lý dữ liệu quản lý điều tra trên Trang thông tin điện tử của cuộc điều tra

Xây dựng và xử lý cơ sở dữ liệu về quản lý và điều hành của cuộc điều tra. Trong đó, xử lý và tổng hợp báo cáo tiến độ hàng ngày của BCD các cấp tại địa phương.

4. Quy trình xử lý số liệu

Ban Chỉ đạo Trung ương giao cho Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị tin học trong ngành xây dựng, hướng dẫn chương trình phần mềm nhập tin, xử lý, tổng hợp cho các địa phương, Bộ, Ngành.

Thông tin của các đơn vị điều tra thuộc ngành quốc phòng, an ninh được Bộ Quốc phòng và Bộ Công an nhập tin, xử lý, tổng hợp theo chương trình phần mềm chung do Ban Chỉ đạo Trung ương cung cấp, sau đó chuyển kết quả cho Bộ Nội vụ (Vụ Kế hoạch - Tài chính) - cơ quan thường trực Điều tra để tổng hợp vào số liệu chung của cả nước.

5. Biểu đầu ra của điều tra

Thông tin cuộc điều tra sau khi xử lý sẽ được tổng hợp theo các hệ thống biểu đầu ra vi mô, vĩ mô phục vụ yêu cầu kiểm tra, xử lý, tổng hợp, công bố ở từng cấp quản lý và theo từng loại số liệu:

- Hệ biểu đầu ra phục vụ yêu cầu tổng hợp số liệu nhanh ở các cấp;

- Hệ biểu đầu ra phục vụ yêu cầu tổng hợp số liệu sơ bộ ở các cấp;
- Hệ biểu đầu ra phục vụ yêu cầu tổng hợp số liệu chính thức ở các cấp;
- Hệ biểu đầu ra phục vụ yêu cầu tổng hợp số liệu theo chuyên đề.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

Kế hoạch thực hiện các nội dung chính điều tra như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Cơ quan chủ trì
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ		
1	Xây dựng Phương án điều tra, thiết kế phiếu điều tra (bảng hỏi điện tử), giải thích nội dung thông tin thu thập	Tháng 9 năm 2020	BCĐ TW
2	Biên soạn tài liệu hướng dẫn điều tra, sổ tay	10-11/2020	
3	Xây dựng phần mềm xử lý điều tra, bao gồm: - Trang web điều hành tác nghiệp; phần mềm thu thập, xử lý, tổng hợp. - Phổ biến cơ sở dữ liệu	Tháng 10/2020-01/2021. Năm 2022	
4	Hạ tầng công nghệ thông tin (máy chủ, đường truyền, thiết bị lưu trữ, thiết bị bảo mật...)	Tháng 01-7/2021	
5	In và phát hành tài liệu	Tháng 01/2021	
6	Tuyển chọn giám sát viên, quản trị hệ thống	Tháng 01/2021	BCĐ các cấp, BCĐ Bộ Quốc phòng, BCĐ Bộ Công an
7	Tập huấn nghiệp vụ các cấp	Tháng 01/2021	
8	Xây dựng danh sách đơn vị điều tra từ nguồn dữ liệu của các cơ quan liên quan	Tháng 01/2021	Tổ thường trực TW
II	TRIỂN KHAI THU THẬP THÔNG TIN		
II.1	Giai đoạn 1 thu thập danh sách bảng kê		
1	Thu thập danh sách bảng kê các đơn vị điều tra	Từ 15/01/2021-15/02/2021	BCĐTW, BCĐ Bộ Quốc phòng
II.2	Giai đoạn 2 thu thập thông tin đơn vị		

1	Cơ sở hành chính cấp Trung ương		
1.1	Ban chỉ đạo Trung ương phối hợp với Tổng cục Thống kê hướng dẫn các Bộ, ngành thực hiện thu thập thông tin	Tháng 3-4/2021	BCĐTW, BCĐ Bộ Quốc phòng, BCĐ Bộ Công an
1.2	Kiểm tra làm sạch, ghi mã sản phẩm, mã ngành kinh tế	Tháng 4-5/2021	BCĐ các cấp
2	Cơ sở hành chính tại địa phương		
2.1	Thu thập thông tin	Tháng 3-4/2021	BCĐ cấp tỉnh, BCĐ Bộ Quốc phòng, BCĐ Bộ Công an
2.2	Kiểm tra làm sạch, ghi mã sản phẩm, mã ngành kinh tế	Tháng 4-5/2021	
III	KIỂM TRA, GIÁM SÁT, THANH TRA CÁC HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA	Tháng 1-5/2021	BCĐ các cấp, BCĐ Bộ Quốc phòng, BCĐ Bộ Công an
IV	NGHIỆM THU KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CÁC CẤP	Tháng 4-10/2021	
V	TÍCH HỢP CƠ SỞ DỮ LIỆU KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021 VÀO CƠ SỞ DỮ LIỆU CỦA TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021	Tháng 5 - 10/2021	BCĐ điều tra cơ sở hành chính và BCĐ Tổng điều tra kinh tế năm 2021
VI	XỬ LÝ TỔNG HỢP SƠ BỘ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA		
1	Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả sơ bộ điều tra	Tháng 10-11/2021	Bộ Nội vụ
2	Công bố kết quả sơ bộ; đưa lên cổng thông tin và trang điều hành của Bộ Nội vụ	Tháng 12/2021	
VI	CÔNG BỐ KẾT QUẢ CHÍNH THỨC ĐIỀU TRA		
1	Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả chính thức điều tra	Quý 1/2022	Bộ Nội vụ
2	Công bố kết quả chính thức Tổng điều tra Tháng 2/2022	Tháng 2/2022	
3	Biên soạn, xuất bản ấn phẩm kết quả điều tra	Tháng 6-12/2022	
4	Xây dựng các cơ sở dữ liệu, phân tích chuyên sâu kết quả điều tra	Tháng 12/2022	
VII	TỔNG KẾT, KHEN THƯỞNG ĐIỀU TRA CÁC CẤP	Quý 2/2022	Ban chỉ đạo TW

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo Điều tra các cấp

a) Cấp Trung ương

- Ban Chỉ đạo Trung ương do Bộ trưởng Bộ Nội vụ làm Trưởng ban, Thứ trưởng Bộ Nội vụ làm Phó Trưởng ban thường trực, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính (đơn vị giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản lý nhà nước về công tác thống kê) làm Ủy viên thường trực; Đại diện Lãnh đạo các Bộ, ngành: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê; đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc Bộ Nội vụ làm Ủy viên.

Ban Chỉ đạo Trung ương có trách nhiệm xây dựng và ban hành Phương án điều tra, tổ chức chỉ đạo thực hiện cuộc điều tra theo đúng kế hoạch, nội dung và phương án điều tra đã được phê duyệt.

- Tổ Thường trực điều tra cơ sở hành chính Trung ương (sau đây gọi là Tổ thường trực Trung ương) là bộ phận thường trực giúp Ban Chỉ đạo Trung ương tổ chức chỉ đạo điều tra, có trụ sở đặt tại Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Nội vụ với số máy liên hệ là: (024) 37957433 hoặc các số máy điện thoại được phân công trả lời từng nhóm nội dung của cuộc điều tra. Địa chỉ hộp thư điện tử: vukhtc@moha.gov.vn.

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

Cuộc điều tra được tổ chức thực hiện theo các cấp hành chính. Tuy nhiên do tính chất đặc thù của hai ngành hoạt động quản lý Nhà nước về quốc phòng và an ninh, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thành lập riêng hai Ban chỉ đạo điều tra, triển khai điều tra riêng theo sự chỉ đạo ngành dọc từ trung ương đến địa phương của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an nhưng thống nhất với nội dung phương án điều tra của cả nước.

Tổ Thường trực điều tra của mỗi Bộ là bộ phận thường trực giúp Ban Chỉ đạo điều tra của mỗi Bộ để tổ chức triển khai điều tra.

(Theo hướng dẫn tại Công văn số 4854/BCĐTW-TTT ngày 29/7/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chuẩn bị Tổng điều tra kinh tế năm 2021).

c) Các cơ quan Đảng, Nhà nước khác ở cấp Trung ương

Mỗi cơ quan Đảng, Nhà nước (trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an), đoàn thể ở cấp Trung ương thành lập Tổ công tác để lập danh sách và tổ chức thu thập thông tin đối với các đơn vị trực thuộc cấp Trung ương theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo điều tra Trung ương. Khối cơ quan Đảng ở Trung ương do Ban Tổ chức Trung ương chủ trì thành lập Tổ công tác và triển khai thực hiện. Tổ công tác của cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở cấp Trung ương được thành lập chung với Tổ công tác của Tổng điều tra kinh tế năm 2021. Các cơ sở trực thuộc của cơ quan Nhà nước tổ chức theo ngành dọc ở cấp địa phương do Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức điều tra.

d) Cấp địa phương

Ban Chỉ đạo điều tra và Tổ Thường trực các cấp ở địa phương được thành lập theo hướng dẫn tại Công văn số 4854/BCĐTW-TTT ngày 29/7/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chuẩn bị Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

Ban Chỉ đạo điều tra các cấp ở địa phương có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện cuộc điều tra tại địa phương mình theo đúng hướng dẫn của Ban Chỉ đạo điều tra Trung ương; đồng thời tham mưu về chủ trương, giải pháp để hỗ trợ các cấp, các ngành trong cuộc điều tra.

2. Xác định địa bàn và lập bảng kê các đơn vị điều tra

Thu thập thông tin định danh về đơn vị điều tra là các cơ sở hành chính:

Ban chỉ đạo các cấp tổ chức thực hiện và được tiến hành cùng thời điểm với cuộc Tổng điều tra kinh tế do Tổng cục Thống kê – Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện.

(Quy trình thu thập thông tin quy định tại Phụ lục kèm theo).

Ban chỉ đạo cấp tỉnh, Tổ công tác Bộ, ngành hoàn thành thông tin định danh về các cơ sở hành chính trước ngày 04/02/2021.

c) Tổng hợp danh sách đơn vị điều tra

Tổng hợp danh sách đơn vị điều tra được thực hiện cho từng khối, từng địa bàn điều tra để làm căn cứ điều tra, phân chia địa bàn, danh sách đơn vị điều tra cho giám sát viên.

3. Tuyển dụng giám sát viên và quản trị hệ thống

3.1. Nhiệm vụ của giám sát viên và quản trị hệ thống

a) Nhiệm vụ của giám sát viên

- Theo dõi sát tiến độ thu thập thông tin tại địa bàn do người cung cấp thông tin cung cấp; đôn đốc người cung cấp thông tin thực hiện đúng tiến độ thu thập thông tin theo quy định;

- Kiểm soát logic, chất lượng thông tin do cơ sở cung cấp và liên hệ lại nếu cần xác minh, chỉnh sửa và cập nhật lại thông tin trên trang thông tin điện tử cuộc điều tra;

- Ghi mã, chuyển đổi những chỉ tiêu liên quan theo các bảng mã quy định (đơn vị hành chính, ngành kinh tế, sản phẩm sản xuất...);

- Báo cáo cho Tổ thường trực cấp tỉnh/huyện những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thu thập thông tin;

- Định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả công việc được phân công.

b) Nhiệm vụ của quản trị hệ thống

- Đảm bảo ổn định, thường xuyên, liên tục hệ thống thu thập thông tin của cuộc điều tra;

- Quản lý toàn bộ tài khoản sử dụng của Tổ thường trực, giám sát viên, người cung cấp thông tin thuộc địa bàn được giao quản lý;

- Liên hệ với các cơ sở hành chính cung cấp tài khoản (tên đăng nhập, mật khẩu) và hướng dẫn người cung cấp thông tin truy cập vào trang thông tin điện tử cuộc điều tra để xem hướng dẫn khai thông tin và thực hiện khai thông tin theo bảng hỏi điện tử.

- Phân quyền cho các tài khoản sử dụng trên địa bàn quản lý;
- Cập nhật các thông tin liên quan đến cuộc điều tra: Văn bản pháp lý liên quan, thông báo nghiệp vụ, danh sách đơn vị điều tra.

3.2. Tuyển chọn giám sát viên và quản trị viên

a) Tuyển chọn giám sát viên

Cuộc điều tra cơ sở hành chính gồm 3 cấp giám sát: Giám sát viên cấp Trung ương, giám sát viên cấp tỉnh và giám sát viên cấp huyện. Giám sát viên các cấp là công chức ngành Nội vụ hoặc công chức, viên chức của các đơn vị được trung tập cho cuộc điều tra. Ban chỉ đạo các cấp chịu trách nhiệm tuyển chọn giám sát viên.

Số lượng giám sát viên các cấp cần tuyển chọn như sau:

- Giám sát viên cấp Trung ương: Tùy tình hình thực tế để tuyển chọn, phân công giám sát viên;
- Giám sát viên cấp tỉnh: Tuyển chọn tối đa 01 giám sát viên/03 huyện;
- Giám sát viên cấp huyện cần đảm bảo tối thiểu số lượng 01 giám sát viên/03 xã.

b) Tuyển chọn quản trị hệ thống

Quản trị hệ thống được phân thành 3 cấp: Quản trị hệ thống cấp Trung ương, quản trị hệ thống cấp tỉnh và quản trị hệ thống cấp huyện. Quản trị hệ thống là công chức, viên chức ngành Nội vụ hoặc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn am hiểu về công nghệ thông tin được trung tập cho cuộc điều tra.

4. Tập huấn Ban chỉ đạo các cấp, giám sát viên, quản trị hệ thống

- Ban chỉ đạo điều tra cơ sở hành chính Trung ương kết hợp với Tổng cục Thống kê để tổ chức các hội nghị tập huấn các cấp cùng với hội nghị tập huấn phục vụ Tổng điều tra kinh tế.

- Thành phần hội nghị gồm giám sát viên, quản trị hệ thống cấp Trung ương, cấp tỉnh; thành viên tổ công tác cấp Trung ương, công chức, viên chức làm công tác thống kê cấp Trung ương có liên quan; thành viên tổ công tác cấp tỉnh; công chức, viên chức làm công tác thống kê cấp tỉnh có liên quan. Số lượng tham gia hội nghị tập huấn do Bộ Nội vụ quy định cho từng hội nghị.

- Hướng dẫn sử dụng phần mềm cung cấp thông tin (bảng hỏi) cho người cung cấp thông tin của các cơ sở hành chính các cấp bằng hình thức xây dựng video hướng dẫn trên trang thông tin điện tử của cuộc điều tra, không tổ chức tập huấn.

5. Hoạt động tuyên truyền

a) Hoạt động tuyên truyền cần tập trung làm rõ mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung và kế hoạch thực hiện điều tra đến các cấp, các ngành và cộng đồng.

Ban Chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tuyên truyền về cuộc điều tra qua: cổng thông tin điện tử của Bộ, ngành, địa phương, Tạp chí Tổ chức nhà nước; phối hợp với Tổng cục Thống kê lồng ghép trong tuyên truyền Tổng Điều tra kinh tế năm 2021.

b) Thời gian tuyên truyền: Bắt đầu từ tháng 01 năm 2021.

6. Triển khai thu thập thông tin

Toàn bộ thông tin được thu thập qua web-form, gồm các công việc sau:

- Quản trị hệ thống liên hệ và cung cấp tài khoản cho các cơ sở hành chính;
- Cơ sở hành chính đăng nhập vào hệ thống và thực hiện cung cấp thông tin theo hướng dẫn;
- Sau khi cơ sở hành chính hoàn thành cung cấp thông tin, giám sát viên có trách nhiệm kiểm tra chất lượng thông tin kê khai, xác minh lại thông tin do cơ sở hành chính đã cung cấp (nếu cần) và tiến hành hoàn thiện bảng hỏi điện tử;
- Bảng hỏi điện tử được kiểm tra, làm sạch, giám sát viên thực hiện ghi mã sản phẩm/dịch vụ (theo mã ngành sản phẩm VCPA2018) do cơ sở hành chính đã kê khai và xác nhận hoàn thành bảng hỏi điện tử trên hệ thống.

7. Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc điều tra, Ban Chỉ đạo các cấp có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc giám sát, kiểm tra kết hợp thanh tra thường xuyên hoặc đột xuất trong suốt thời gian từ khâu lập bảng kê, tập huấn, thu thập, tổng hợp nhanh số liệu điều tra tại các địa bàn.

Lực lượng giám sát, kiểm tra, thanh tra ở Trung ương gồm thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ Thường trực Trung ương, công chức một số Vụ chức năng của Bộ Nội vụ theo trung tập của Ban chỉ đạo Trung ương. Lực lượng giám sát, kiểm tra, thanh tra ở địa phương là các thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ Thường trực cấp tỉnh, huyện, xã, công chức, thanh tra Sở Nội vụ và công chức các Phòng Nội vụ.

Nội dung giám sát, kiểm tra, thanh tra gồm: Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc lập bảng kê các đơn vị điều tra, tổ chức các lớp tập huấn, số lượng và chất lượng phiếu, cách thức cung cấp thông tin của các cơ sở hành chính, tính logic giữa các cột, dòng, các chỉ tiêu, quan hệ giữa các biểu, kiểm tra số học, đơn vị tính, đánh mã, các thủ tục hành chính, kiểm tra thực địa tại địa bàn,...

Hình thức giám sát, kiểm tra, thanh tra: Kiểm tra chéo, cấp trên giám sát, kiểm tra, thanh tra cấp dưới, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất, kiểm tra trọng điểm, tổng kiểm tra trước khi nghiệm thu. Ban Chỉ đạo điều tra cấp trên kiểm tra điển hình việc tổ chức và thực hiện điều tra đối với cấp dưới để phát hiện và giải quyết tại chỗ, kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình điều tra.

Nhằm bảo đảm chất lượng của thông tin thu thập tại địa bàn trước khi nghiệm thu, bàn giao, giám sát viên phải thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trực tiếp đến một số cơ sở để kiểm tra việc thu thập thông tin, kiểm tra kết quả phiếu điều tra đã thu được cả về nội dung, phương pháp tính, tính logic, kiểm tra số học, các quy định hành chính bắt buộc (chữ ký, dấu). Công tác kiểm tra phiếu cần được thực hiện trong ngày, không để dồn nhiều ngày.

8. Nghiệm thu

a) Tổ chức nghiệm thu các cấp

Ban chỉ đạo các cấp thực hiện nghiệm thu phiếu điện tử ngay trong quá trình điều tra thực địa, thời gian nghiệm thu hoàn thành trước ngày 20/8/2021.

Ban chỉ đạo Trung ương nghiệm thu kết quả điều tra của Ban chỉ đạo cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trước ngày 01/10/2021.

b) Nội dung nghiệm thu

Nghiệm thu về mức độ đầy đủ các chỉ tiêu, số lượng phiếu, chất lượng số liệu của phiếu. Các thành phần tham gia nghiệm thu cùng lập và ký biên bản nghiệm thu và chịu trách nhiệm về kết quả đã nghiệm thu.

9. Công bố kết quả

Thông tin về kết quả điều tra do Bộ trưởng Bộ Nội vụ công bố theo quy định của pháp luật.

Số liệu sơ bộ công bố vào tháng 12/2021.

Kết quả chính thức cuộc điều tra cơ sở hành chính công bố vào tháng 02/2022.

X. MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC

1. Tổng kết, khen thưởng, kỷ luật

a) Tổng kết

Việc tổng kết điều tra tổ chức thực hiện điều tra được tiến hành ở ba cấp:

Trung ương và cấp tỉnh và cấp huyện theo kế hoạch tổng kết của Tổng điều tra kinh tế năm 2021 (do cùng Ban chỉ đạo các cấp).

b) Khen thưởng

Những tập thể, cá nhân có thành tích tốt trong cuộc điều tra sẽ được xét tặng các hình thức khen thưởng: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ban Chỉ đạo Trung ương giao Sở Nội vụ hướng dẫn Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về các hình thức khen thưởng trong cuộc điều tra, đồng thời là cơ quan đầu mối thực hiện xem xét, rà soát hồ sơ khen thưởng trình Hội đồng thi đua - khen thưởng Bộ Nội vụ để xem xét, quyết định đối với hình thức khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Ban chỉ đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Công an là đầu mối thực hiện xem xét, rà soát hồ sơ khen thưởng trình Hội đồng thi đua - khen thưởng Bộ Nội vụ để xem xét, quyết định đối với hình thức khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Kinh phí khen thưởng đối với các hình thức khen thưởng: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ do ngân sách Trung ương cấp (ghi trong dự toán kinh phí của cuộc điều tra).

Đối với hình thức khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân trong cuộc Tổng điều tra tại địa phương, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định và bố trí kinh phí khen thưởng theo quy định của pháp luật.

c) Kỷ luật

Những tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật thống kê trong cuộc điều tra sẽ bị kỷ luật theo quy định. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. In, vận chuyển, phân phát tài liệu

Các tài liệu có số lượng sử dụng nhiều trong cuộc điều tra (phương án, sổ tay hướng dẫn) được tổ chức in ấn tập trung và phân bổ, vận chuyển đến trụ sở Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Bộ ngành theo yêu cầu tiến độ công việc. Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức vận chuyển và phân phát đến các thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, huyện, xã, giám sát viên, tổ trưởng, điều tra viên.

3. Mua sắm, phân phối vật tư, văn phòng phẩm

a) Những vật tư, văn phòng phẩm chủ yếu được sử dụng trong cuộc điều tra này bao gồm: thẻ thành viên Ban Chỉ đạo, thẻ giám sát viên, sổ tay ghi chép, bút bi, túi clear, cặp tài liệu, cặp ba dây bảo quản phiếu... phục vụ tập huấn và điều tra.

b) Người sử dụng vật tư, văn phòng phẩm là thành viên Ban Chỉ đạo các cấp, giảng viên các lớp tập huấn, giám sát viên, quản trị hệ thống theo từng loại vật tư, văn phòng phẩm tương ứng với nhiệm vụ được phân công.

c) Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm tổ chức in, mua sắm, phân bổ và vận chuyển đến trụ sở Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo yêu cầu tiến độ công việc đối với etiket, áp phích, hộp cát tông đựng phiếu.

Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm mua sắm những vật tư, văn phòng phẩm còn lại theo đúng hướng dẫn của Bộ Nội vụ về quy cách, số lượng, chủng loại; thực hiện phân phối vật tư, văn phòng phẩm cho người sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

4. Lưu trữ và bảo mật tài liệu

- Toàn bộ thông tin thu thập tại địa bàn được bảo mật và lưu trữ theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Trách nhiệm về bảo mật và lưu trữ thông tin: Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm bảo mật thông tin do Ban chỉ đạo cấp tỉnh giao nộp.

- Việc bàn giao dữ liệu điều tra được thực hiện thông qua biên bản bàn giao tài liệu phải đảm bảo đầy đủ các thủ tục hành chính quy định.

XI. KINH PHÍ

Kinh phí Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 do ngân sách Trung ương bảo đảm cho mọi hoạt động được quy định trong Phương án này, kể cả kinh phí điều tra các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Ban Chỉ đạo ĐT Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phối hợp với Ban Chỉ đạo Trung ương lập dự toán để đưa vào kinh phí chung của cuộc điều tra.

Ban Chỉ đạo Trung ương giao Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Nội vụ tổ chức thực hiện dự toán cho các công việc quy định tại Phương án điều tra và Thông tư số 109/TT-BTC ngày 30/6/2016 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra quốc gia, chịu trách nhiệm hướng dẫn cho Ban Chỉ đạo các cấp và các đơn vị thuộc Bộ Nội vụ, Ban Chỉ đạo TĐT Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và công khai tổ chức thực hiện dự toán theo đúng quy định.

Kinh phí điều tra phải được quản lý, sử dụng đúng chế độ, đúng mục đích, đúng định mức, tiết kiệm và hiệu quả.

Trên cơ sở Phương án này, Ban chỉ đạo Điều tra Bộ Quốc phòng và Ban chỉ đạo Điều tra Bộ Công an xây dựng Phương án điều tra riêng, phù hợp với tình hình thực tế của từng Bộ, bảo đảm thống nhất với Phương án chung.

Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 là cuộc điều tra quan trọng, phạm vi rộng, liên quan đến nhiều đối tượng, đơn vị điều tra, nội dung phức tạp, đòi hỏi Ban Chỉ đạo Điều tra các cấp, Ban Chỉ đạo Điều tra Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo Điều tra Bộ Công an, Tổ công tác các Bộ, ngành cần quán triệt, thực hiện đúng phương án, các quy trình áp dụng cho điều tra, chỉ đạo thực hiện từng nội dung công việc theo đúng tiến độ, đảm bảo thực hiện thành công cuộc Điều tra cơ sở hành chính năm 2021./.

Phần II
QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ
VÀ ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 là một trong ba cuộc Tổng điều tra thống kê quốc gia được quy định trong Luật Thống kê. Tổng điều tra kinh tế năm 2021 được thực hiện theo Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021 và Quyết định số 1344/QĐ-BKHĐT ngày 03/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương năm 2021 về ban hành Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 thu thập thông tin cơ bản về hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của 04 nhóm đơn vị điều tra gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã; đơn vị sự nghiệp, hiệp hội; cơ sở SXKD cá thể và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Riêng đối với các cơ sở hành chính, tổ chức chính trị - xã hội trên phạm vi toàn tỉnh do Sở Nội vụ chịu trách nhiệm tổ chức thu thập thông tin theo Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 thu thập thông tin cơ bản về lao động, thu nhập của người lao động, kết quả thu chi năm 2020 của các cơ sở hành chính, tổ chức chính trị - xã hội trên phạm vi toàn tỉnh.

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 được thực hiện với nhiều điểm mới so với Tổng điều tra năm 2017 trong bối cảnh nhu cầu thông tin thống kê ngày càng được yêu cầu cao hơn với mức độ phân tổ chi tiết hơn; yêu cầu tận dụng những lợi thế của công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng, hiệu quả của thông tin thống kê trong bối cảnh còn hạn chế về nguồn lực. Có 6 điểm mới chủ yếu của Tổng điều tra kinh tế năm 2021 như sau:

Thứ nhất, đổi mới nội dung và cách thức thu thập thông tin thông qua việc sử dụng triệt để các nguồn dữ liệu hành chính: Tổng điều tra sử dụng triệt để các nguồn dữ liệu hành chính, nhằm giảm thiểu các thông tin cần thu thập qua điều tra, đồng thời vẫn đáp ứng được các yêu cầu tăng cao về số lượng và chất lượng thông tin cần thu thập.

Thứ hai, cập nhật và áp dụng khái niệm chuẩn quốc tế về đơn vị cơ sở: Thu thập thông tin của các đơn vị cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động chi tiết theo ngành kinh tế cấp 3 và theo địa bàn quản lý hành chính cấp xã.

Thứ ba, thống nhất năm số liệu cho các loại đơn vị điều tra: Các kỳ Tổng điều tra trước đây, năm số liệu của cơ sở SXKD cá thể khác với năm số liệu của các loại đơn vị điều tra còn lại. Kỳ Tổng điều tra lần này, ngành Thống kê đã nỗ lực để có thể thu thập, tổng hợp thông tin năm 2020 của toàn bộ các cơ sở SXKD cá thể, thống nhất năm số liệu với các loại đơn vị điều tra khác (doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp; cơ sở hành chính; cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo). Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể năm 2021 là điều tra chuyên sâu nhằm mô tả tổng thể của năm 2020.

Thứ tư, ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn của Tổng điều tra từ công tác chuẩn bị, thu thập thông tin, xử lý đến công bố kết quả. Đặc biệt, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xác định, sắp xếp, phân

loại các cơ sở kinh tế vào các ngành kinh tế dựa trên sản phẩm chính được sản xuất ra. Các câu hỏi logic và công nghệ nhận dạng đã định vị chuẩn xác cấu trúc đơn vị điều tra, từ đó đưa ra bảng hỏi phù hợp.

Thứ năm, đổi mới cách thức phối hợp với các Sở, ngành trong triển khai thực hiện Tổng điều tra: Cải tiến cách thức phối hợp trong triển khai thực hiện Tổng điều tra; trong đó, phối hợp với cơ quan Thuế trong khai thác dữ liệu hành chính để bổ sung nguồn thông tin cho danh sách nền Tổng điều tra; phối hợp với cơ quan Thông tin và Truyền thông, thông tấn báo chí thực hiện tuyên truyền; phối hợp với ngành Nội vụ trong triển khai tổ chức thu thập thông tin các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

Thứ sáu, nâng cao chất lượng thông tin và tiết kiệm gần một nửa kinh phí so với điều tra truyền thống trước đây: Đổi mới nội dung và hình thức của các phiếu điều tra theo hướng dẫn dắt, tạo thuận lợi nhất cho người trả lời, đồng thời thu được kết quả chuẩn xác nhất. Cụ thể, không đưa ra các câu hỏi ngành thống kê cần phải trả lời, chỉ hỏi các câu hỏi đảm bảo đơn vị điều tra sẽ trả lời được và trả lời đúng. Với mục tiêu làm rõ sản phẩm được sản xuất ra ở đâu (xã, huyện, tỉnh nào); trong loại hình đơn vị nào? nguồn lực sản xuất (lao động, vốn) ra sao?... Từ đó nhận biết cấu trúc kinh tế của các địa phương đến cấp xã và toàn nền kinh tế. Đồng thời cho thấy rõ hơn việc phân bố nguồn lực sản xuất theo vùng, miền và theo khu vực kinh tế.

Bên cạnh đó, nhờ áp dụng triệt để công nghệ thông tin, Tổng điều tra đã tiết kiệm khoảng một nửa kinh phí so với cách điều tra truyền thống trước đây.

1. Công tác chỉ đạo, phối hợp trong chuẩn bị và thực hiện Tổng điều tra

Để chỉ đạo thực hiện Tổng điều tra, ngày 04/9/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2920/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2021, với số lượng 12 người, trong đó đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh làm Phó trưởng ban thường trực, các thành viên là lãnh đạo các sở, ban, ngành liên quan. Để giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh triển khai các công việc của Tổng điều tra, ngày 15/9/2020, ban Chỉ đạo Tổng điều tra tỉnh có Quyết định số 88/QĐ-BCĐ về việc thành lập Tổ thường trực giúp việc ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 tỉnh Hà Tĩnh, ngày 19/02/2021 Ban Chỉ đạo Tổng điều tra tỉnh có Quyết định số 14/QĐ-BCĐ về việc kiện toàn Tổ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 tỉnh Hà Tĩnh, với số lượng là 23 người.

Ban Chỉ đạo tỉnh đã hướng dẫn UBND cấp huyện thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ thường trực các cấp. Tháng 11/2020, tại cấp huyện, cấp xã hoàn thành công tác thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ thường trực Tổng điều tra, gồm: 13 Ban Chỉ đạo cấp huyện với số lượng là 158 người và 216 Ban Chỉ đạo cấp xã với 1.855 người; thành lập 13 Tổ thường trực cấp huyện, số lượng là 166 người giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện Tổng điều tra, hai đơn vị, Cục Thống kê và Sở Nội vụ đã chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan để chỉ đạo thực hiện cuộc Tổng điều tra trên địa bàn toàn tỉnh, cụ thể:

Phối hợp với Cục Thuế, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành khác trong công tác chia sẻ dữ liệu hành chính về danh sách doanh nghiệp, HTX, cơ sở SXKD cá thể, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, tôn giáo, tín ngưỡng nhằm phục vụ công tác rà soát danh sách nền đơn vị điều tra.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Hà Tĩnh trong công tác tuyên truyền Tổng điều tra; hỗ trợ bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống mạng trong suốt quá trình thực hiện Tổng điều tra.

Kết nối dữ liệu Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 để tổng hợp thông tin chung của Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính phục vụ biên soạn báo cáo kết quả sơ bộ và báo cáo kết quả chính thức Tổng điều tra năm 2021.

2. Công tác tuyên truyền

Công tác tuyên truyền Tổng điều tra được thực hiện theo Kế hoạch số 662/KH-BCĐTW ngày 05/02/2021 của BCĐ Tổng điều tra kinh tế Trung ương; theo đó, tập trung vào việc tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của Tổng điều tra và hướng dẫn các đơn vị điều tra cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời; sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền đảm bảo thông tin về Tổng điều tra. Nội dung tuyên truyền được kết hợp cả nội dung tuyên truyền của Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính. Một số hình thức tuyên truyền chính được sử dụng bao gồm:

Tuyên truyền trên sóng phát thanh, truyền hình, báo viết: Đưa tin, phóng sự trên Đài phát thanh - Truyền hình địa phương; phát tệp tin file MP3 về hỏi đáp Tổng điều tra trên hệ thống truyền thanh của xã, phường, thị trấn; Báo Hà Tĩnh đưa tin, bài về Tổng điều tra.

Tuyên truyền trên trang thông tin điện tử: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã; Cục Thống kê; Cục Thuế tỉnh; Sở nội vụ.

Tin nhắn: Nhắn tin gửi tới các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin.

Tuyên truyền khác: In treo băng rôn, dán áp phích, khẩu hiệu, logo tại các nơi công cộng, in thẻ điều tra viên, giám sát viên. Tuyên truyền tại cuộc họp giao ban tại các buổi giao ban của lãnh đạo địa phương; tổ chức Lễ ra quân giai đoạn 2 tại thị trấn Hương Khê.

3. Lực lượng tham gia và công tác tập huấn

3.1. Lực lượng tham gia

Tổng điều tra Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm đã trưng tập 767 điều tra viên (ĐTV) bao gồm: 67 ĐTV hỗ trợ thực hiện phiếu doanh nghiệp, hợp tác xã; 13 ĐTV hỗ trợ thực hiện phiếu sự nghiệp, hiệp hội; 13 ĐTV hỗ trợ thực hiện phiếu cơ sở hành chính; 523 ĐTV thực hiện phiếu cơ sở SXKD cá thể và 151 ĐTV thực hiện phiếu tôn giáo tín ngưỡng. Toàn tỉnh có 216 quản trị viên, giám sát viên cấp tỉnh, cấp huyện.

3.2. Công tác tập huấn

Sau hội nghị tập huấn nghiệp vụ cấp Trung ương, BCD tỉnh đã tổ chức hội nghị triển khai và các lớp tập huấn nghiệp vụ cho BCD, giám sát viên và điều tra viên, cụ thể:

Giai đoạn 1: Đầu tháng 02/2021, tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 tại 14 điểm cầu cấp tỉnh và cấp huyện, với tổng số 390 người tham gia.

Cuối tháng 02/2021, hoàn thành công tác tập huấn nghiệp vụ điều tra khối doanh nghiệp, HTX, cơ sở hành chính, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội; thành phần tập huấn gồm: Tổ thường trực cấp tỉnh, giám sát viên cấp tỉnh, cấp huyện, điều tra viên, kế toán doanh nghiệp và một số đơn vị điều tra khối cơ sở hành chính, sự nghiệp, hiệp hội, tổng số lớp tập huấn là 39 lớp với 1.115 người tham gia.

Giai đoạn 2: Tháng 6/2021 cấp tỉnh, cấp huyện đã tổ chức 43 lớp tập huấn với 1.292 người tham gia, thành phần bao gồm giám sát viên cấp tỉnh, cấp huyện, Ban Chỉ đạo cấp xã, điều tra viên điều tra khối cá thể, tôn giáo tín ngưỡng.

Hình thức tập huấn: Trực tuyến và trực tiếp.

4. Công tác thu thập thông tin

4.1. Phiếu điều tra và phương pháp thu thập thông tin

Cuộc Tổng điều tra sử dụng 23 loại phiếu điều tra để thu thập thông tin (Tổng điều tra kinh tế sử dụng 22 loại phiếu điều tra và Điều tra cơ sở hành chính sử dụng 01 loại phiếu điều tra), cụ thể:

- Phiếu điều tra áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và văn phòng đại diện của các thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (khối doanh nghiệp, HTX): 17 loại phiếu.

- Phiếu điều tra áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam (khối sự nghiệp, hiệp hội): 02 loại phiếu.

- Phiếu điều tra áp dụng đối với cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (khối cơ sở SXKD cá thể): 02 loại phiếu.

- Phiếu điều tra áp dụng đối với cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: 01 loại phiếu.

- Phiếu điều tra các cơ sở hành chính, tổ chức của Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội (khối cơ sở hành chính): 01 loại phiếu.

Tổng điều tra áp dụng đồng thời phương pháp điều tra gián tiếp và điều tra trực tiếp trong công tác thu thập thông tin:

(i) Phương pháp điều tra gián tiếp áp dụng đối với khối doanh nghiệp và khối sự nghiệp, hiệp hội, cơ sở hành chính. Phiếu điều tra điện tử (trực tuyến - Web-form) được xây dựng và thực hiện trên Trang Thông tin điện tử của Tổng điều tra để các đơn vị điều tra tự kê khai thông tin với sự hỗ trợ của điều tra viên thống kê.

(ii) Phương pháp điều tra trực tiếp áp dụng đối với các cơ sở SXKD cá thể và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Phiếu điều tra điện tử được xây dựng và cài đặt

trên thiết bị di động của điều tra viên (CAPI) để thực hiện phỏng vấn trực tiếp đơn vị điều tra.

4.2. Công tác thu thập thông tin

Tổng điều tra được thực hiện hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Từ ngày 01/3 đến ngày 30/5/2021, thực hiện thu thập thông tin của các doanh nghiệp, hợp tác xã và các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội; cơ sở hành chính (từ ngày 01/3 đến ngày 31/4/2021).

Giai đoạn 2: Từ ngày 01/7 đến ngày 30/7/2021, thực hiện thu thập thông tin của các cơ sở SXKD cá thể và các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính đã hoàn thành thu thập thông tin đối với: 5.963 doanh nghiệp, HTX (đạt 100,0%), trong đó 4.747 doanh nghiệp, HTX đang hoạt động và 1.216 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, chờ giải thể; 71.470 cơ sở SXKD cá thể được thu thập thông tin; Tổng điều tra cũng đã hoàn thành thu thập thông tin của 439 cơ sở hành chính (có 01 cơ sở do BCĐ Tổng điều tra Trung ương thu thập thông tin); 809 đơn vị sự nghiệp (bao gồm 02 đơn vị sự nghiệp trung ương và 807 đơn vị sự nghiệp địa phương); 122 đơn vị hiệp hội và 640 cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

4.3. Công tác giám sát

Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính đều sử dụng các phiếu hỏi điện tử để thu thập thông tin (Web-form và CAPI) nên công tác kiểm tra giám sát được thực hiện song song với công tác thu thập thông tin; kết hợp hai hình thức giám sát trực tuyến (online) và giám sát trực tiếp tại thực địa.

Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào quy trình thực hiện Tổng điều tra và thống nhất về chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng thông tin và giám sát về tiến độ thực hiện. Quá trình giám sát trực tuyến được phân công cho tất cả các giám sát viên các cấp, bảo đảm 13 huyện, thành phố, thị xã đều được giám sát.

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên công tác kiểm tra, giám sát Tổng điều tra được thực hiện chủ yếu bằng hình thức trực tuyến trên trang điều hành tác nghiệp Tổng điều tra thông qua các công cụ kiểm tra lỗi logic, tra cứu dữ liệu, xem nội dung phiếu. Tổng điều tra kinh tế đã tổ chức 13 đoàn giám sát Tổng điều tra; Điều tra cơ sở hành chính thực hiện kiểm tra, giám sát qua phần mềm kê khai và các tài liệu kiểm chứng của các đơn vị điều tra gửi lên. Các vấn đề bất cập, khó khăn vướng mắc trong quá trình thu thập thông tin tại địa bàn đều được báo cáo Ban Chỉ đạo các cấp để kịp thời xử lý.

5. Công tác kiểm tra, làm sạch và nghiệm thu dữ liệu điều tra

Công tác kiểm tra, làm sạch dữ liệu được thực hiện song song cùng với quá trình thu thập thông tin tại các địa bàn theo quy trình thống nhất.

Đối với phiếu doanh nghiệp, công tác kiểm tra, làm sạch được thực hiện theo 03 giai đoạn sau: (i) *Giai đoạn 1:* Kiểm tra các chỉ tiêu cơ bản. Quá trình này được tiến hành song song với việc thu thập thông tin của các huyện, thành phố, thị xã nhằm sớm phát hiện những lỗi, sai sót để điều tra viên thông báo lại

doanh nghiệp thực hiện kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện; (ii) *Giai đoạn 2*: So sánh, đối chiếu dữ liệu thu được với các nguồn dữ liệu có liên quan. Giai đoạn này kiểm tra về chất lượng các chỉ tiêu thu được từ điều tra với nguồn dữ liệu liên quan là báo cáo tài chính của cơ quan thuế và dữ liệu điều tra các năm trước, kết quả kiểm tra được tổng hợp và thông báo cho BCĐ các cấp và doanh nghiệp để kiểm tra, hoàn thiện dữ liệu; (iii) *Giai đoạn 3*: Kiểm tra chuyên sâu theo các chuyên đề từ tổng hợp các nguồn dữ liệu để khẳng định kết quả tổng điều tra: Kiểm tra quan hệ tương quan giữa các chỉ tiêu tổng hợp theo chuyên ngành, chuyên đề, các hệ số suy rộng.... Kết quả kiểm tra được thông báo tới Ban Chỉ đạo cấp huyện và các doanh nghiệp để khẳng định số liệu.

Đối với phiếu đơn vị sự nghiệp, hiệp hội; phiếu cơ sở SXKD cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: Lực lượng giám sát viên các cấp sử dụng các công cụ tra cứu dữ liệu; thống kê tần suất; kiểm tra lo-gic, xem nội dung phiếu để triển khai soát xét, kiểm tra lại số liệu từng khối trên hệ thống quản lý, điều hành của Tổng điều tra đồng thời kiểm tra trực tiếp trên dữ liệu vi mô, so sánh với kỳ trước, kết quả kiểm tra được thông báo tới Ban Chỉ đạo cấp huyện và điều tra viên để xác minh và hoàn thiện dữ liệu điều tra. Công tác kiểm tra, làm sạch dữ liệu được tập trung vào một số thông tin quan trọng trên phiếu điều tra ở giai đoạn đầu (như ngành sản phẩm, lao động của đơn vị/cơ sở) và giai đoạn sau đi kiểm tra các nội dung điều tra chuyên sâu.

Đối với phiếu điều tra cơ sở hành chính: Giám sát viên các cấp tiến hành kiểm tra logic, đối chiếu với hồ sơ kiểm chứng gồm Báo cáo tài chính, Quyết định giao biên chế, Bảng lương của cơ sở hành chính, xem nội dung phiếu để triển khai soát xét, kiểm tra lại số liệu.

Công tác nghiệm thu kết quả Tổng điều tra được thực hiện theo đúng quy trình (cấp xã nghiệm thu cho ĐTV, cấp huyện nghiệm thu cho cấp xã, cấp tỉnh huyện thu cho cấp huyện). Công tác nghiệm thu được thực hiện thống nhất theo Hướng dẫn số 172/HD-TCTK ngày 13/8/2021 của Tổng cục Thống kê về quy trình nghiệm thu và bàn giao tài liệu Tổng điều tra kinh tế và Công văn số 158/TTDL-TTQL ngày 30/8/2021 của Tổng cục Thống kê về việc bổ sung hướng dẫn chi tiết Hướng dẫn số 172/HD-TCTK và các văn bản liên quan. Việc nghiệm thu đã góp phần đánh giá công tác tổ chức triển khai thu thập thông tin trong Tổng điều tra của Ban Chỉ đạo các cấp; xác nhận đúng, đủ số lượng, bảo đảm chất lượng thông tin thu thập từng loại phiếu điều tra.

Công tác nghiệm thu phiếu Điều tra cơ sở hành chính được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2352/BNV-BCĐ ngày 23/5/2021 của Ban Chỉ đạo điều tra cơ sở hành chính Trung ương về tiến độ và hướng dẫn nghiệm thu kết quả điều tra cơ sở hành chính năm 2021.

Dữ liệu Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính được kiểm tra, nghiệm thu, làm sạch và tổng hợp phục vụ biên soạn kết quả sơ bộ và kết quả chính thức theo đúng quy định của các Phương án Tổng điều tra kinh tế và Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021.

Kết quả nghiệm thu của BCD Tổng điều tra Trung ương: Kết quả chung cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2021 được Ban chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương đánh giá cho tỉnh Hà Tĩnh đạt 97,72%, xếp thứ 26/63 tỉnh, thành phố “đạt loại khá”; Điều tra cơ sở hành chính được đánh giá mức độ đạt “Chất lượng tốt”. Cụ thể kết quả được Trung ương đánh giá với các khối như sau:

- Khối doanh nghiệp, đạt loại Giỏi; tỷ lệ phiếu đã thu được so với kết quả lập danh sách đạt: 100%; tỷ lệ lỗi (tổng số lỗi so với tổng số phiếu): 1,4%; tỷ lệ phiếu có sai sót (số phiếu có sai sót so với tổng số phiếu được kiểm tra): 1,1%;

- Khối sự nghiệp, hiệp hội, đạt loại khá; tỷ lệ phiếu đã thu được so với kết quả lập danh sách đạt: 100%; tỷ lệ lỗi (tổng số lỗi so với tổng số phiếu): 5,0%; tỷ lệ phiếu có sai sót (số phiếu có sai sót so với tổng số phiếu được kiểm tra): 3,2%;

- Khối cá thể đạt loại giỏi; tỷ lệ phiếu đã thu được so với kết quả lập danh sách đạt: 99,4% (chênh lệch do các cơ sở hoạt động xây dựng quy định không điều tra, đồng thời phát sinh cơ sở mới trong quá trình thu thập thông tin); tỷ lệ lỗi (tổng số lỗi so với tổng số phiếu): 0,1%; tỷ lệ phiếu có sai sót (số phiếu có sai sót so với tổng số phiếu được kiểm tra): 3,1%;

- Khối tôn giáo đạt loại giỏi; tỷ lệ phiếu đã thu được so với kết quả lập danh sách đạt: 100%; tỷ lệ lỗi (tổng số lỗi so với tổng số phiếu): 3,7%; tỷ lệ phiếu có sai sót (số phiếu có sai sót so với tổng số phiếu được kiểm tra): 0,0%;

- Khối cơ sở hành chính đạt chất lượng tốt; tỷ lệ phiếu đã thu được so với kết quả lập danh sách đạt: 100%; tỷ lệ lỗi (tổng số lỗi so với tổng số phiếu): 0,0%; tỷ lệ phiếu có sai sót (số phiếu có sai sót so với tổng số phiếu được kiểm tra): 0,0%.

6. Phần mềm và hạ tầng công nghệ thông tin

Tổng cục Thống kê đã xây dựng và hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng của Tổng điều tra, bao gồm: Phần mềm rà soát cập nhật bảng kê và chọn mẫu, phần mềm thu thập thông tin (phiếu hỏi điện tử CAPI, Web-form) và các Trang thông tin điện tử về điều hành tác nghiệp, giám sát; tuyên truyền Tổng điều tra. Các phần mềm phục vụ kiểm tra, giám sát được hoàn thành và đưa vào sử dụng góp phần rất lớn vào việc giảm tải công việc liên quan đến kiểm tra giám sát của giám sát viên các cấp và nâng cao chất lượng thông tin thu thập.

Phần mềm thu thập thông tin: Tổng điều tra áp dụng triển khai với hai loại phiếu điều tra điện tử là Web-form đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và hiệp hội, cơ sở hành chính; CAPI đối với cơ sở SXKD cá thể và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Tài liệu và video hướng dẫn sử dụng các phần mềm cũng được trình chiếu tại các lớp tập huấn nghiệp vụ và cung cấp trực tiếp cho người dùng (điều tra viên, đơn vị điều tra, giám sát viên) đồng thời đăng tải trên mạng Internet.

Phần mềm quản lý giám sát điều tra: Tổng điều tra đã áp dụng các phần mềm điều hành tác nghiệp, giám sát, tuyên truyền, phúc tra, quản lý đơn vị điều tra trực tuyến trong quá trình triển khai thực hiện Tổng điều tra. Thông qua các công cụ phần mềm trực tuyến, việc quản lý, điều hành, giám sát điều tra được triển khai thuận lợi và kịp thời, đặc biệt tạo thuận lợi trong công tác giám sát số liệu điều tra bảo đảm chất lượng và tiến độ điều tra đối với các địa bàn bị ảnh hưởng của tình hình dịch Covid-19.

Phần mềm xử lý, tổng hợp và phổ biến kết quả Tổng điều tra: Kết quả Tổng điều tra được tích hợp kết quả của 02 đơn vị triển khai thu thập, gồm: Cục Thống kê (thực hiện Tổng điều tra kinh tế), Sở Nội vụ (thực hiện Tổng điều tra cơ sở hành chính). Ngoài ra, dữ liệu từ hồ sơ hành chính cũng được tham khảo, tích hợp, sử dụng trong Tổng điều tra là dữ liệu quản lý thuế của Cục Thuế. Các phần mềm phục vụ xử lý, tổng hợp kết quả và phổ biến đầu ra đã được triển khai áp dụng hiệu quả. Các sản phẩm đầu ra kết quả chính thức Tổng điều tra sẽ được phổ biến hình ảnh hóa (dashboard) và trình bày số liệu trên nền bản đồ số kết hợp khai thác trên kho dữ liệu của 03 lần Tổng điều tra kinh tế các năm 2012, 2017, 2021. Bên cạnh đó, phần mềm phân tích thống kê (SPSS, SQL) cũng sẽ được sử dụng để kiểm tra dữ liệu vi mô của Tổng điều tra.

Đối với Tổng điều tra kinh tế, hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư và nâng cấp, công tác bảo đảm an toàn, an ninh được thực hiện trước khi triển khai chính thức. Sở Thông tin và Truyền thông đã đáp ứng an toàn, an ninh hạ tầng mạng; kiểm soát hệ thống và các lỗ hổng bảo mật; kiểm soát các đường truyền kết nối vào hệ thống máy chủ của Tổng điều tra. Do vậy, hệ thống mạng lưới được vận hành thông suốt đáp ứng nghiệp vụ triển khai trong thời gian Tổng điều tra, dữ liệu được sao lưu hàng ngày tại các hệ thống máy chủ của Tổng điều tra.

Đối với Tổng điều tra cơ sở hành chính, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm vận hành thông suốt cho người cung cấp thông tin và giám sát viên các cấp cùng đồng thời đăng nhập hệ thống. Hệ thống dự phòng cũng được thiết lập để sẵn sàng kích hoạt khi có sự cố rủi ro xảy ra đối với hệ thống chính thức. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống được đặc biệt quan tâm. Ngoài hệ thống dự phòng, hệ thống sao lưu (backup) được thiết lập thực hiện tự động mỗi 04 giờ/lần.

7. Các sản phẩm tiếp theo và kế hoạch công bố kết quả Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021

7.1. Các sản phẩm của Tổng điều tra năm 2021

(1) Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 - Kết quả chính thức;

(2) Tổng điều tra kinh tế năm 2021 - Kết quả hoạt động của cơ sở SXKD cá thể phi nông lâm nghiệp, thủy sản;

(3) Kho dữ liệu Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 năm 2021.

7.2. Kế hoạch công bố kết quả Tổng điều tra năm 2021

Dự kiến kế hoạch công bố các sản phẩm tiếp theo của Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 như sau:

- Kết quả chính thức Tổng điều tra: Công bố vào quý IV năm 2022;
- Các ấn phẩm phân tích chuyên đề: Công bố vào quý I năm 2023.
- Các đơn vị cấp huyện công bố kết quả sơ bộ sau khi Cục Thống kê công bố kết quả sơ bộ; công bố kết quả chính thức sau khi Cục Thống kê công bố kết quả chính thức.

Phần III
KẾT QUẢ SƠ BỘ TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ
VÀ ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021

I. TỔNG QUAN CHUNG

Đơn vị điều tra trong Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 do Cục Thống kê và Sở Nội vụ phối hợp thực hiện bao gồm các loại:

- (1) Doanh nghiệp, hợp tác xã;
- (2) Cơ sở SXKD cá thể;
- (3) Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội;
- (4) Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.;
- (5) Cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.

1. Khái quát về số lượng và lao động của các đơn vị điều tra

Tổng chung về số lượng và lao động của các đơn vị điều tra năm 2020 tăng so với năm 2016.

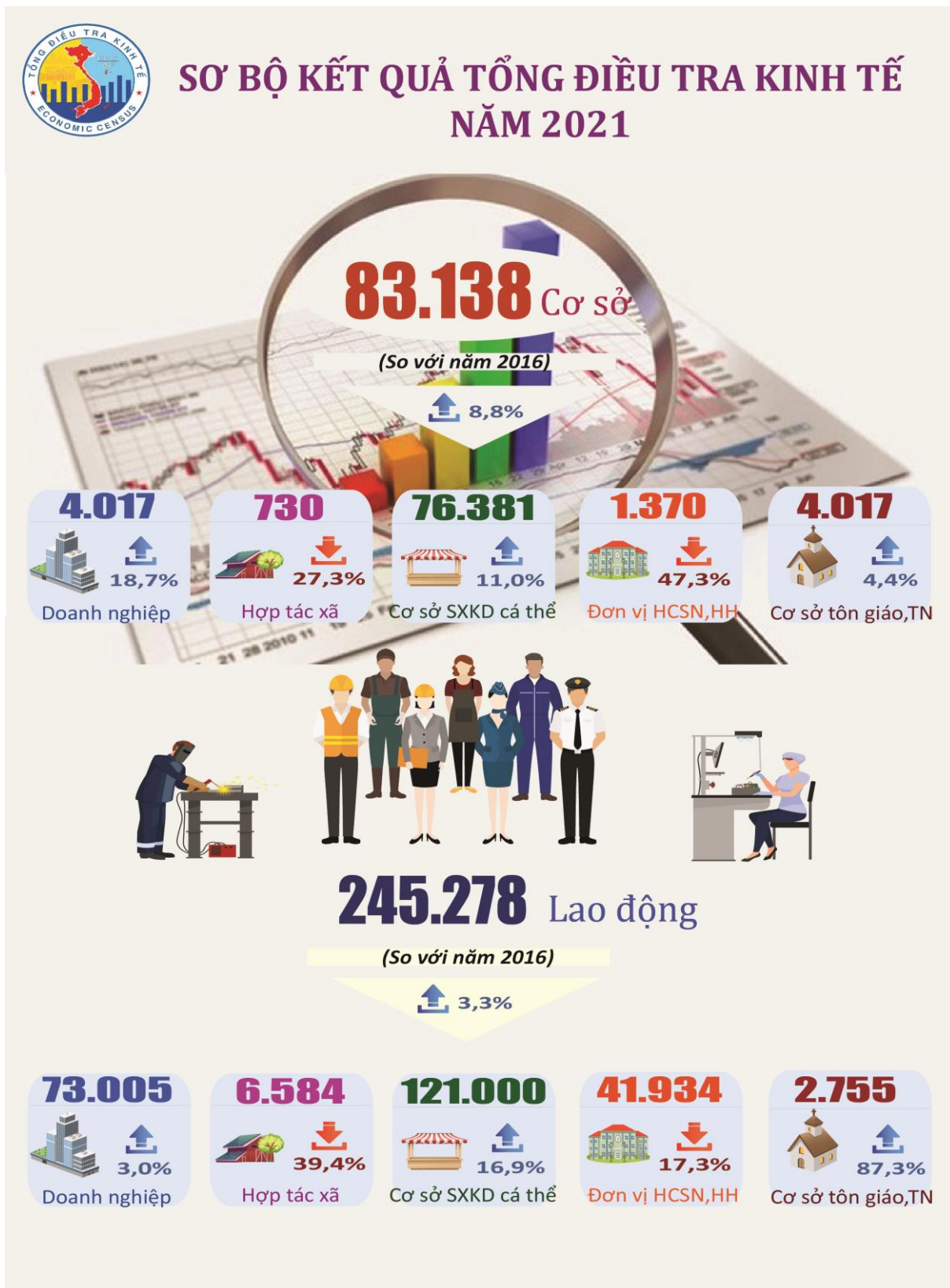
Theo kết quả Tổng điều tra năm 2021, tổng số lượng của các đơn vị điều tra trên toàn tỉnh năm 2020 có 83.138 đơn vị điều tra, tăng 8,8% (tăng 6.707 đơn vị) so với năm 2016. Bình quân mỗi năm giai đoạn 2016-2020, số lượng đơn vị tăng 2,1%/năm.

Bảng 01: Số lượng và lao động của các đơn vị điều tra

	Số đơn vị (đơn vị)	Lao động (Người)	% tăng/giảm so với năm 2016		% tăng/giảm BQ năm giai đoạn 2016-2020	
			Số lượng	Lao động	Số lượng	Lao động
Tổng số	83.138	245.278	8,8	3,3	2,1	0,8
1. Doanh nghiệp	4.017	73.005	18,7	3,0	4,4	0,7
2. Hợp tác xã	730	6.584	-27,3	-39,4	-7,7	-11,8
3. Cơ sở SXKD cá thể	76.381	121.000	11,0	16,9	2,6	4,0
4. Đơn vị hành chính, sự nghiệp, hiệp hội	1.370	41.934	-47,3	-17,3	-14,8	-4,6
5. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	640	2.755	4,4	87,3	1,1	17,0

Số lượng lao động trong các đơn vị điều tra năm 2020 là 245.278 người, tăng 3,3% (tăng 7.851 người) so với năm 2016. Bình quân mỗi năm giai đoạn 2016-2020 số lượng lao động tăng 0,8%/năm.

Biểu đồ 01:



Doanh nghiệp tăng cả về số lượng doanh nghiệp và lao động, so với các đơn vị điều tra khác thì doanh nghiệp có mức tăng cao nhất trong các loại đơn vị điều tra so với năm 2016.

Tính đến 31/12/2020, toàn tỉnh có 4.017 doanh nghiệp đang hoạt động, tăng 18,7% (tăng 634 doanh nghiệp) so với năm 2016. Giai đoạn 2016-2020, bình quân mỗi năm số doanh nghiệp tăng 4,4%. Mức tăng này thấp hơn mức tăng bình quân trong giai đoạn 2011-2016 (9,6%/năm) và thấp hơn mức tăng 20,4%/năm của giai đoạn 2006-2011.

Đến cuối năm 2020 các doanh nghiệp thu hút 73.005 lao động, tăng 3,0% (2.140 lao động) so với năm 2016. Bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2016-2020, số lao động tăng 0,7%, thấp hơn mức tăng 3,4%/năm của giai đoạn 2011-2016.

Hợp tác xã (HTX) có xu hướng giảm cả về số lượng và lao động.

Năm 2020, toàn tỉnh có 730 hợp tác xã, giảm 27,3% (giảm 274 đơn vị) so với năm 2016; thu hút 6.584 lao động, giảm 39,4% (giảm 4.285 lao động) so với năm 2016. Số lượng các hợp tác xã thuộc ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng chủ yếu với 47,0% trong tổng số HTX, giảm 6,2 điểm phần trăm so với năm 2016 (năm 2016 là 53,2%); ngành công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 27,3% trong tổng số HTX, tăng 3,0 điểm phần trăm (năm 2016 là 24,3%); ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng 25,7% trong tổng số HTX, tăng 3,2 điểm phần trăm so với năm 2016 (năm 2016 là 22,5%).

Bình quân giai đoạn 2016-2020, mỗi năm số lượng HTX giảm 7,7 %/năm, số lao động giảm 11,8%/năm; trái ngược so với mức tăng bình quân của giai đoạn 2011-2016, tương ứng số lượng hợp tác xã tăng 21,1%/năm, số lao động tăng 18,3%/năm.

Cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng cả về số đơn vị và số lao động.

Năm 2020, toàn tỉnh có 76.381 cơ sở SXKD cá thể, tăng 11,0% (tăng 7.551 cơ sở) so với năm 2016; thu hút 121.000 lao động, tăng 16,9% (tăng 17.460 lao động). Bình quân giai đoạn 2016-2020, số cơ sở tăng 2,6%/năm và số lao động tăng 4,0%/năm.

Trong năm 2020, tỷ trọng số lượng cơ sở SXKD cá thể chiếm khá cao, chiếm tới 91,87% trong tổng số đơn vị điều tra nhưng tổng số lao động của các cơ sở SXKD cá thể chỉ chiếm khoảng 49,3% trong tổng số lao động của các đơn vị điều tra. Lý do, các cơ sở SXKD cá thể thường có quy mô lao động rất nhỏ bình quân khoảng 1,6 lao động/cơ sở.

Các cơ sở hành chính, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội có sự sụt giảm về số lượng so với năm 2016.

Tổng số các cơ sở hành chính, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội năm 2020 là 1.370 đơn vị, giảm 47,3% (giảm 1.231 đơn vị) so với năm 2016; số lao động là

41.934 người, giảm 17,3% (giảm 8.748 lao động). Bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016-2020, số lượng các đơn vị điều tra giảm 14,8% và số lượng lao động giảm 4,6%; xu hướng này ngược với giai đoạn 2011-2016 khi bình quân hàng năm số lượng đơn vị tăng 0,6% và số lao động tăng 0,8%. Nguyên nhân giảm số đơn vị điều tra và số lao động đối với các cơ sở hành chính, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội là do thay đổi Phương án Tổng điều tra kinh tế đối với các đơn vị điều tra sự nghiệp công lập, trong đó lĩnh vực Y tế giảm do thay đổi phạm vi thu thập thông tin¹; thực hiện chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã, đổi mới, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng duy trì đà tăng trưởng cả về số lượng cơ sở và lao động.

Theo kết quả Tổng điều tra, năm 2020 toàn tỉnh có 640 cơ sở thuộc các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, tăng 4,4% so với năm 2016; thấp hơn nhiều so với mức tăng 55,6% của năm 2016 so với 2011. Bình quân giai đoạn 2016-2020 số lượng cơ sở tăng 1,1%/năm thấp hơn mức tăng 9,2%/năm của giai đoạn 2011-2016.

Năm 2020 có 2.755 chức sắc, nhà tu hành làm việc thường xuyên tại các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, tăng 87,3% so với năm 2016, cao hơn mức tăng năm 2016 so với 2011 (9,9%). Tốc độ tăng nhân lực bình quân giai đoạn 2016-2020 là 17,0%/năm, cao hơn mức tăng 1,9%/năm của giai đoạn 2011-2016.

2. Quy mô lao động bình quân một đơn vị điều tra

Quy mô lao động bình quân một đơn vị điều tra năm 2020 có biến động so với năm 2016 đối với các đơn vị điều tra.

Lao động bình quân chung trong một đơn vị điều tra giảm nhẹ từ 3,1 người năm 2016 xuống 3,0 người năm 2020, trong đó:

Lao động bình quân đối với khu vực Doanh nghiệp giảm từ 20,9 người năm 2016 xuống 18,2 người năm 2020 (doanh nghiệp nhà nước giảm từ 176,4 người xuống 125,1 người; doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm từ 16,7 người xuống 14,6 người; doanh nghiệp FDI tăng từ 118,8 người lên 181,0 người).

Lao động bình quân trong một hợp tác xã giảm từ 10,8 người năm 2016 xuống 9,0 người năm 2020.

Các cơ sở SXKD cá thể năm 2020 tăng nhẹ về quy mô lao động trên một cơ sở, tương ứng năm 2016 là 1,5 người/1 cơ sở và năm 2020 là 1,6 người/1 cơ sở.

¹ Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Y tế có sự thay đổi về đối tượng thu thập thông tin: Tổng điều tra kinh tế năm 2021 là Trung tâm y tế; Tổng điều tra kinh tế năm 2017 là Trạm y tế.

Trái ngược với các đơn vị điều tra khác, việc sắp xếp lại đơn vị hành chính, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy ở các cơ sở hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (lĩnh vực Y tế, Giáo dục, Văn hóa) và các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng nên có biến động tăng về quy mô lao động trên một đơn vị so với năm 2016. Cụ thể: năm 2020, lao động bình quân trên một cơ quan hành chính là 24,1 người, tăng 6,7 người so với năm 2016 (17,4 người/đơn vị); đơn vị sự nghiệp là 39,5 người, tăng 11,2 người so với năm 2016; các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng năm 2020 là 4,3 người, tăng 1,9 người so với năm 2016 (2,4 người/cơ sở); tổ chức chính trị, đoàn thể, hiệp hội là 6,8 người, giảm nhẹ so với năm 2016 (6,9 người/đơn vị).

Xét theo khu vực kinh tế, lao động bình quân trên một đơn vị điều tra chung giảm; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản và dịch vụ giảm so với năm 2016.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là khu vực có số lượng lao động thấp nhất (chỉ chiếm 2,6% tổng số lao động của các đơn vị điều tra, nguyên nhân là do phạm vi điều tra chỉ đối với lao động trong các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp thủy sản), năm 2020 lao động bình quân trên một đơn vị là 14,6 người, giảm 3,5 người/1 đơn vị so với năm 2016 (18,1 người/1 đơn vị); Khu vực công nghiệp - xây dựng có số lượng lao động lớn thứ hai (chiếm 36,3% trong tổng số lao động của các đơn vị điều tra), quy mô lao động bình quân 4,9 người/1 đơn vị, gần tương đương với năm 2016 (4,7 người/1 đơn vị); Khu vực dịch vụ có số lượng lao động lớn nhất (chiếm 61,1% trong tổng số), tuy nhiên quy mô lao động chỉ đạt khoảng 2,3 người/1 đơn vị, thấp hơn so với năm 2016 (2,5 người/1 đơn vị).

3. Mức độ tập trung đơn vị điều tra theo khu vực kinh tế và đơn vị hành chính

Các đơn vị điều tra và số lao động chủ yếu nhiều nhất tại khu vực thành thị và một số đơn vị hành chính có quy mô lớn, địa lý, giao thông thuận lợi.

Thành phố Hà Tĩnh có số lượng đơn vị điều tra nhiều nhất với 12.408 đơn vị, chiếm 14,9% trong tổng số các đơn vị điều tra; tiếp đến là huyện Can Lộc và Cẩm Xuyên, tương ứng 8.074 đơn vị, chiếm 9,7% và 8.005 đơn vị, chiếm 9,6%; huyện Vũ Quang và thị xã Hồng Lĩnh là hai đơn vị có số đơn vị điều tra ít nhất tỉnh, lần lượt là 1.468 đơn vị, chiếm 1,8% và 3.418 đơn vị, chiếm 4,1%.

Số lao động tập trung nhiều nhất ở thành phố Hà Tĩnh với 52.507 người, chiếm 21,4% tổng số lao động trong các đơn vị điều tra; thu hút lao động đứng nhiều thứ hai là thị xã Kỳ Anh với 27.227 người, chiếm 11,1%; huyện Vũ Quang là địa phương có số lao động ít nhất với 4.585 lao động, chiếm 1,9%.

Bảng 02: Cơ cấu đơn vị và lao động của các đơn vị điều tra phân theo đơn vị hành chính cấp huyện

TT	Đơn vị hành chính	Số đơn vị (đơn vị)	Lao động (Người)	Cơ cấu (%)	
				Đơn vị	Lao động
	Toàn tỉnh	83.138	245.278	100,0	100,0
1	Thành phố Hà Tĩnh	12.408	52.507	14,9	21,4
2	Thị xã Hồng Lĩnh	3.418	13.146	4,1	5,4
3	Huyện Hương Sơn	6.442	16.670	7,7	6,8
4	Huyện Đức Thọ	6.588	16.748	7,9	6,8
5	Huyện vũ Quang	1.468	4.585	1,8	1,9
6	Huyện Nghi xuân	6.239	15.277	7,5	6,2
7	Huyện Can Lộc	8.074	19.006	9,7	7,7
8	Huyện Hương Khê	4.890	12.604	5,9	5,1
9	Huyện Thạch Hà	7.522	21.843	9,0	8,9
10	Huyện Cẩm Xuyên	8.005	19.074	9,6	7,8
11	Huyện Kỳ Anh	6.478	13.857	7,8	5,6
12	Huyện Lộc Hà	5.939	12.734	7,1	5,2
13	Thị xã Kỳ Anh	5.667	27.227	6,8	11,1

Trong số 4.017 doanh nghiệp thì thành phố Hà Tĩnh thu hút tới 1.275 doanh nghiệp, chiếm 31,7%; tiếp đến là thị xã Kỳ Anh với 775 doanh nghiệp, chiếm 19,3%; huyện Vũ Quang là huyện có số doanh nghiệp thấp nhất với 57 doanh nghiệp và chỉ chiếm 1,4% số lượng doanh nghiệp toàn tỉnh.

Khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất về số lượng đơn vị và lao động trong ba khu vực kinh tế.

Trong tổng số 83.138 đơn vị điều tra năm 2020, khu vực dịch vụ với 64.665 đơn vị, chiếm 77,8% (năm 2016 chiếm 76,7%), tăng 6.027 đơn vị (tương đương với tăng 10,3%) so với năm 2016. Bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 khu vực dịch vụ tăng 2,5%/năm.

Khu vực công nghiệp - xây dựng có 18.041 đơn vị, chiếm 21,7% (năm 2016 là 22,5%), tăng 852 đơn vị (tương đương tăng 5,0%) so với năm 2016. Bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 1,2%/năm.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có số lượng đơn vị thấp nhất, với 432 đơn vị và chỉ chiếm 0,5% (năm 2016 là 0,8%), giảm 172 đơn vị (tương đương giảm 28,5%) so với năm 2016. Bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 8,0%/năm.

Biểu đồ 02:**Bảng 03: Cơ cấu số lượng đơn vị và lao động trong các đơn vị điều tra phân theo khu vực kinh tế**

Khu vực kinh tế	Số đơn vị (đơn vị)	Lao động (người)	Cơ cấu (%)	
			Đơn vị	Lao động
Toàn tỉnh	83.138	245.278	100,0	100,0
1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	432	6.301	0,5	2,6
2. Công nghiệp, xây dựng	18.041	89.069	21,7	36,3
3. Dịch vụ	64.665	149.908	77,8	61,1

Về lao động, khu vực dịch vụ thu hút 149.908 lao động, chiếm 61,1%, tăng 2,4% so với năm 2016; bình quân tăng 0,6%/năm trong giai đoạn 2016-2020.

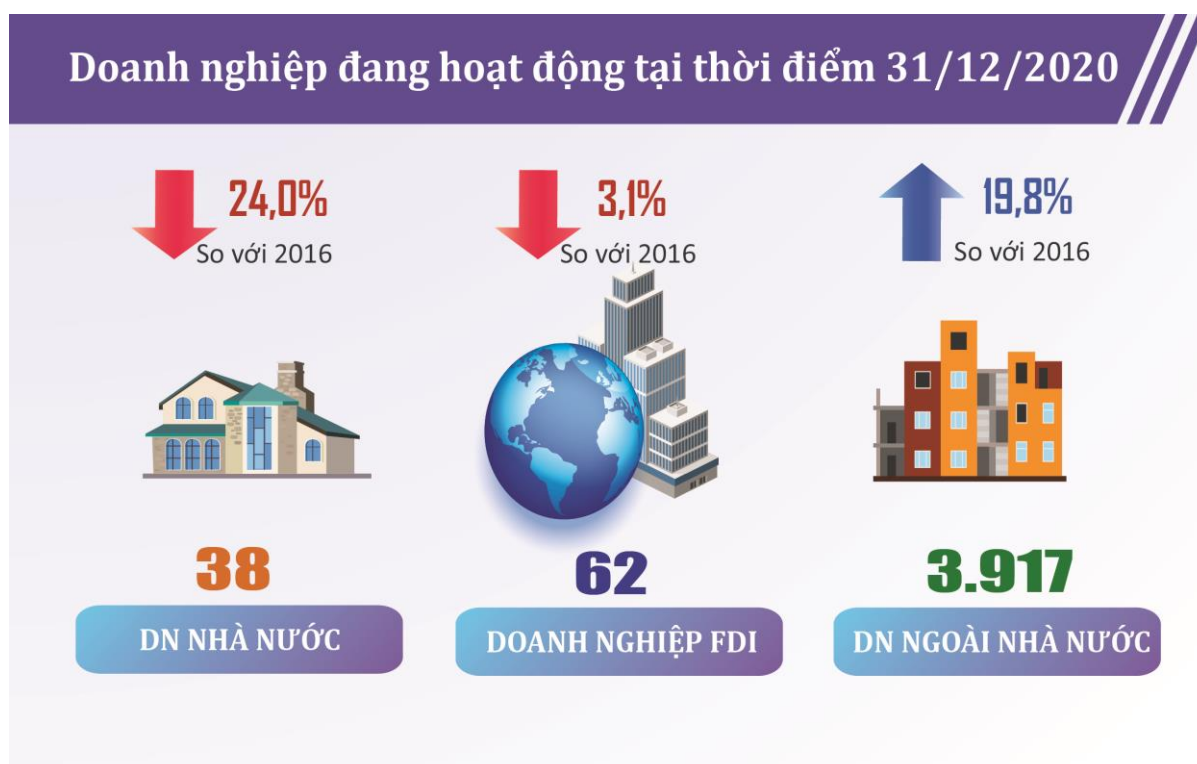
Khu vực công nghiệp, xây dựng với 89.069 lao động, chiếm 36,3%, tăng 10,9% so với năm 2016; bình quân tăng mỗi năm 2,6% trong giai đoạn 2016-2020.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản thu hút 6.301 lao động, chiếm 2,6%, giảm 41,5% so với năm 2016; bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 giảm 12,5%.

II. DOANH NGHIỆP VÀ HỢP TÁC XÃ

1. Doanh nghiệp

Tính đến thời điểm 31/12/2020, toàn tỉnh có 4.017 doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm 148 doanh nghiệp (giảm 3,6%) so với năm 2019. Hệ lụy của đại dịch Covid-19 đã làm đứt gãy tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp và sụt giảm về lượng lao động làm việc trong các doanh nghiệp.

Biểu đồ 03:

Theo loại hình doanh nghiệp, tại thời điểm 31/12/2020, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tập trung nhiều doanh nghiệp nhất, với 3.917 doanh nghiệp, chiếm 97,5% tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh, giảm 3,5% so với năm 2019 và tăng 19,8% so với năm 2016.

Số lượng doanh nghiệp FDI là 62 doanh nghiệp, chiếm 1,5% tổng số doanh nghiệp, tăng 6,9% so với năm 2019, giảm 3,1% so với năm 2016.

Do chủ trương cổ phần hóa, sắp xếp lại của Nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước liên tục giảm trong giai đoạn này. Tính đến 31/12/2020, tổng số doanh nghiệp nhà nước chỉ còn 38 doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng 1,0% trong tổng số doanh nghiệp, giảm 24,0% so với năm 2016 (giảm 12 doanh nghiệp).

Các doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ có số lượng lớn nhất. Tại thời điểm 31/12/2020, số lượng doanh nghiệp dịch vụ có 2.211 doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng 55,1% trong tổng số doanh nghiệp, giảm 7,9% so cùng kỳ năm 2019 và tăng 13,3% so với cùng kỳ năm 2016.

Khu vực công nghiệp - xây dựng luôn đóng vai trò động lực tăng trưởng của nền kinh tế, năm 2020 với số lượng doanh nghiệp 1.728 doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng 43,0% trong tổng số doanh nghiệp, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm 2019 và tăng 26,4% so với cùng kỳ năm 2016.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có số lượng doanh nghiệp năm 2020 là 78 doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng 1,9% trong tổng số, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2019 và tăng 20,0% so với cùng kỳ năm 2016.

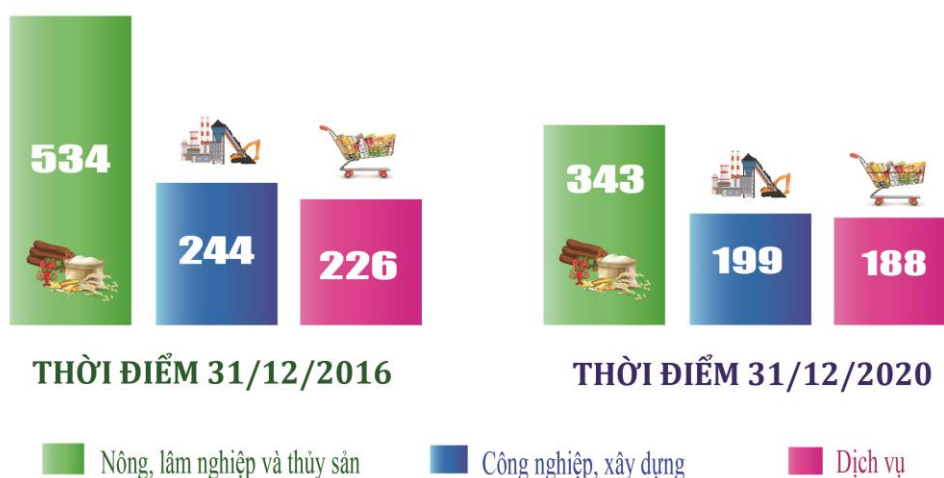
Giai đoạn 2016-2020, bình quân mỗi năm khu vực công nghiệp - xây dựng có tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp 6,0%/năm. Cũng giai đoạn này, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản và khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng bình quân mỗi năm lần lượt là 4,7%/năm và 3,2%/năm.

2. Hợp tác xã (HTX)

Tính đến 31/12/2020, tổng số HTX đang hoạt động trên toàn tỉnh là 730 HTX, giảm 19,1% so với cùng kỳ năm 2019, giảm 27,3% so với cùng kỳ năm 2016. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có số lượng HTX nhiều nhất với 343 HTX, chiếm 47,0% trong tổng số HTX, giảm 191 HTX (giảm 35,8%) so với cùng kỳ năm 2016; khu vực công nghiệp - xây dựng có 199 HTX, chiếm 27,3%, giảm 18,4% (giảm 45 HTX) so với cùng kỳ năm 2016; khu vực dịch vụ có 188 HTX, chiếm 25,7%, giảm 16,8% (giảm 38 HTX) so với cùng kỳ năm 2016.

Biểu đồ 04:

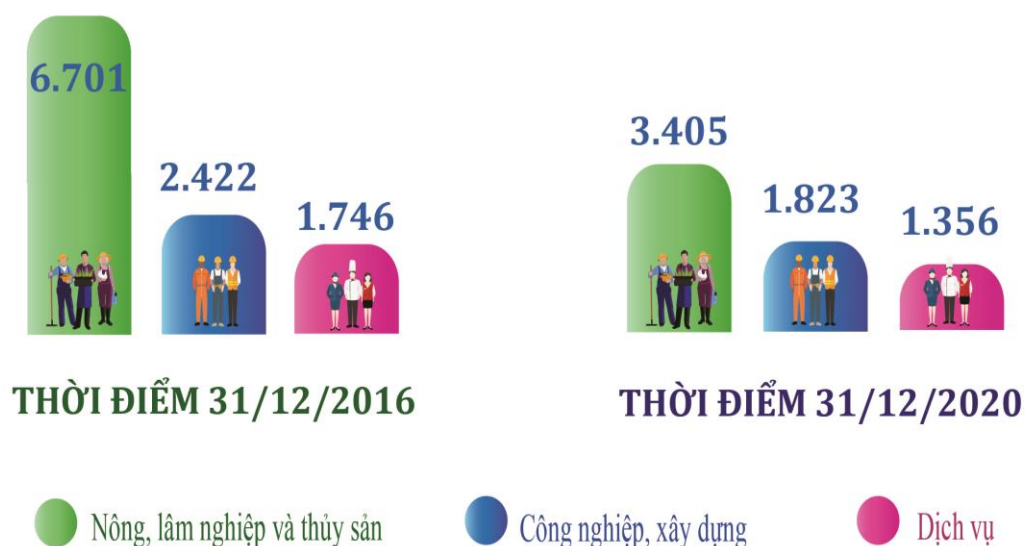
SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ (HTX)



Tại thời điểm 31/12/2020, toàn tỉnh có 6.584 lao động đang làm việc trong các HTX, giảm 27,5% so với cùng kỳ năm 2019, giảm 39,4% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, lao động trong cả ba khu vực đều giảm, cụ thể: các HTX hoạt động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản thu hút nhiều lao động nhất với 3.405 lao động, chiếm 51,7% của toàn bộ lao động HTX, giảm 49,2% so với cùng kỳ năm 2016; khu vực công nghiệp, xây dựng có 1.823 lao động, chiếm 27,7%, giảm 24,7% so với cùng kỳ năm 2016; khu vực dịch vụ có 1.356 lao động, chiếm 20,6%, giảm 22,3% so với cùng kỳ năm 2016.

Biểu đồ 05:

LAO ĐỘNG HỢP TÁC XÃ PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ (Người)



Số lượng HTX và số lao động làm việc trong các HTX giảm dần, quy mô HTX đang dần thu hẹp lại, số lao động bình quân mỗi HTX giảm từ 10,8 người/HTX năm 2016 xuống 9,0 người/HTX năm 2020.

III. CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ PHI NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Tính đến năm 2020, toàn tỉnh có 76.381 cơ sở SXKD cá thể, tăng 11,0% (tăng 7.551 cơ sở) so với năm 2016, thấp hơn mức tăng của kỳ Tổng điều tra trước (năm 2016 tăng 14,9% so với năm 2011).

Bình quân giai đoạn 2016-2020, số lượng cơ sở SXKD cá thể tăng 2,6%/năm, thấp hơn mức tăng bình quân 2,8%/năm trong giai đoạn 2011-2016. Nguyên nhân chủ yếu của mức tăng bình quân thấp trong giai đoạn 2016-2020 là do tác động của đại dịch Covid-19 trong năm 2020 dẫn tới tốc độ tăng trưởng số lượng cơ sở cá thể giảm 2,6% so với năm 2019, tuy số lượng cơ sở sụt giảm nhưng số lượng lao động tăng 2,5% so với năm 2019.

Số lao động làm việc trong các cơ sở SXKD cá thể biến động cao hơn so với năm 2016; lao động bình quân một cơ sở có xu hướng tăng dần.

Bảng 04: Số lượng cơ sở và lao động qua các kỳ Tổng điều tra

	Năm			Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn (%/năm)	
	2011	2016	2020	2011-2016	2016-2020
Số cơ sở (cơ sở)	59.890	68.830	76.381	2,8	2,6
Số lao động (Người)	103.322	103.540	121.000	0,04	4,0
Lao động bình quân 1 cơ sở (Người)	1,7	1,5	1,6	-	-

Các cơ sở SXKD cá thể thu hút 121.000 lao động, tăng 16,9% (tăng 17.460 lao động) so với năm 2016, cao hơn rất nhiều so với mức tăng của kỳ Tổng điều tra trước (năm 2016 tăng 0,2% so với năm 2011). Với tính chất hoạt động kinh doanh nhỏ lẻ, các cơ sở SXKD cá thể là bộ phận dễ bị tổn thương trước những biến động của thị trường. Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã khiến hoạt động SXKD của các cơ sở cá thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng, nhiều cơ sở phải thu hẹp quy mô SXKD, cắt giảm lao động, kéo theo tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 chỉ đạt 4,0%/năm.

Các cơ sở SXKD cá thể phân bố không đồng đều theo các đơn vị hành chính do đặc điểm địa lý, điều kiện tự nhiên.

Bảng 05: Số cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phân theo đơn vị hành chính cấp huyện

	Số cơ sở		% tăng/giảm so với năm 2016	Tốc độ phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 (%)
	Năm 2016	Năm 2020		
Toàn tỉnh	68.830	76.381	11,0	2,6
1. Thành phố Hà Tĩnh	8.737	10.872	24,4	5,6
2. Thị xã Hồng Lĩnh	3.375	3.116	-7,7	-2,0
3. Huyện Hương Sơn	5.101	6.013	17,9	4,2
4. Huyện Đức Thọ	5.713	6.168	8,0	1,9
5. Huyện Vũ Quang	1.241	1.272	2,5	0,6

6. Huyện Nghhi Xuân	5.298	5.815	9,8	2,4
7. Huyện Can Lộc	6.946	7.663	10,3	2,5
8. Huyện Hương Khê	4.231	4.480	5,9	1,4
9. Huyện Thạch Hà	6.388	6.913	8,2	2,0
10. Huyện Cẩm Xuyên	7.109	7.523	5,8	1,4
11. Huyện Kỳ Anh	5.411	6.151	13,7	3,3
12. Huyện Lộc Hà	5.004	5.630	12,5	3,0
13. Thị xã Kỳ Anh	4.276	4.765	11,4	2,7

Một số đơn vị duy trì được mức độ tăng số cơ sở so năm 2016, đó là thành phố Hà Tĩnh tăng 24,4%, Hương Sơn, tăng 17,9%, Kỳ Anh tăng 13,7%, Lộc Hà tăng 12,5%, thị xã Kỳ Anh tăng 11,4%. Nguyên nhân do những năm gần đây với hệ thống giao thông thuận lợi cho việc giao thương trao đổi hàng hóa, nên số cơ sở cá thể phát triển các ngành nghề đa dạng, các chính sách hỗ trợ cho các hộ tham gia vào sản xuất kinh doanh được khuyến khích, quy mô dân số phát triển, địa bàn rộng, đây cũng là những tác động đến phát triển khối cá thể.

Bên cạnh một số địa phương duy trì được mức tăng trưởng thì cũng có một số địa phương giảm sút hoặc mức tăng không cao so với năm 2016. Cụ thể, Thị xã Hồng Lĩnh giảm 7,7%, huyện Vũ Quang tăng 2,5%, huyện Cẩm Xuyên tăng 5,8%, huyện Hương Khê tăng 5,9%. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã làm cho các khu du lịch, bãi tắm bị ngưng trệ, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm đặc sản của địa phương không xuất bán được ra thị trường ngoại tỉnh đã làm số lượng cơ sở cá thể của một số địa phương giảm so với năm 2016.

IV. KHỐI HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP, HIỆP HỘI

Tính đến thời điểm 31/12/2020, toàn tỉnh có 1.370 đơn vị thuộc khối hành chính, sự nghiệp, hiệp hội, bằng 52,7% (giảm 47,3% tương đương giảm 1.231 đơn vị) so với cùng kỳ năm 2016 (không bao gồm các đơn vị thuộc lực lượng A), trong đó, các đơn vị hành chính là 353 đơn vị, giảm 41,0% so với năm 2016; đơn vị sự nghiệp là 809 đơn vị, giảm 34,4% so với năm 2016, trong đó: các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế là 28 đơn vị, giảm 90,9% so với năm 2016; đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao là 19 đơn vị giảm 29,6% so với năm 2016; Đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực thông tin, truyền thông là 6 đơn vị, giảm 66,7% so với năm 2016. Nguyên nhân của việc giảm số lượng đơn vị hành chính, sự nghiệp, hiệp hội, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp công lập chủ yếu:

thứ nhất do việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW gắn chặt với việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị khóa XI về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; *thứ hai* do có thay đổi phương án Tổng điều tra Kinh tế năm 2021 cho khối sự nghiệp công lập. Các trạm y tế xã/phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được coi là một đơn vị cơ sở của đơn vị điều tra là trung tâm y tế quận/huyện; *thứ ba* là việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 819/NQQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bảng 06: Số lượng, lao động của các đơn vị khối hành chính, sự nghiệp, hiệp hội

	Số đơn vị (đơn vị)	Lao động (người)	% tăng/giảm so với năm 2016		% tăng/giảm BQ năm giai đoạn 2016-2020	
			Số lượng	Lao động	Số lượng	Lao động
Tổng số	1.370	41.934	-47,3	-17,3	-14,8	-4,6
1. Cơ sở hành chính	353	8.522	-41,0	-18,2	-12,3	-4,9
2. Đơn vị sự nghiệp	809	31.991	-34,4	-8,5	-10,0	-2,2
+ Y tế	28	5.232	-90,9	-0,6	-45,1	-0,1
+ Giáo dục	684	24.554	-9,4	-6,9	-2,4	-1,8
+ Văn hóa, thể thao	19	370	-29,6	-25,7	-8,4	-7,2
+ Thông tin, truyền thông	6	125	-66,7	-64,0	-24,0	-22,5
+ Đơn vị sự nghiệp khác	72	1.710	-42,9	-31,1	-13,1	-8,9
3. Tổ chức chính trị, đoàn thể, hiệp hội	208	1.421	-73,0	-73,1	-27,9	-28,0

Tổng số lao động trong các cơ sở hành chính, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội năm 2020 là 41.934 người, giảm 17,3% so với năm 2016, bình quân giai đoạn 2016-2020 giảm 4,6%/năm. Cơ cấu lao động thuộc các đơn vị sự nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất với 76,31% (tăng 7,3 điểm phần trăm so với năm 2016); tiếp theo là các đơn vị hành chính chiếm 20,3% (giảm 0,2% so với năm 2016).

Lao động bình quân trên một cơ sở hành chính, đơn vị sự nghiệp theo lĩnh vực hoạt động có sự khác biệt rõ rệt.

Xu hướng sáp nhập các cơ sở hành chính, đơn vị sự nghiệp thể hiện rõ qua chỉ tiêu số lượng lao động bình quân trên một đơn vị. Năm 2020, lao động bình quân trên 1 đơn vị sự nghiệp là 40 người, tăng 11 người so với năm 2016, trong đó lĩnh vực y tế là 187 người/đơn vị (tăng 170 người/đơn vị so với năm 2016 (17 người/đơn vị); lĩnh vực giáo dục 36 người/đơn vị (năm 2016 là 35 người/đơn vị); lĩnh vực văn hóa, thể thao 19 người/đơn vị (năm 2016 là 18 người/đơn vị); lĩnh vực thông tin, truyền thông là 21 người/đơn vị (năm 2016 là 19 người/đơn vị); lĩnh vực khác là 24 người/đơn vị (năm 2016 là 20 người/đơn vị). Lao động bình quân các cơ sở hành chính năm 2020 là 24 người/đơn vị, tăng 7 người/đơn vị so với năm 2016 (17 người/đơn vị).

V. CƠ SỞ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

Đối với khu vực tôn giáo, tín ngưỡng, đơn vị điều tra là các cơ sở thờ tự, tu hành, nơi đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, những cơ sở khác của tôn giáo được nhà nước công nhận như Phật giáo, Công giáo, Cao đài, Tin lành... và các cơ sở tín ngưỡng.

Số lượng các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng qua ba kỳ Tổng điều tra gần nhất có xu hướng kỳ sau cao hơn kỳ trước nhưng tốc độ tăng giảm dần.

Theo kết quả Tổng điều tra, năm 2020 toàn tỉnh có 640 cơ sở thuộc các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, tăng 4,4% so với năm 2016; thấp hơn tốc độ tăng của năm 2016 so với 2011 (55,6%) và năm 2011 so với 2006 (35,9%). Bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 1,1%/năm, thấp hơn mức tăng 9,2%/năm của giai đoạn 2011-2016.

Bảng 07: Số cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng

	Số cơ sở			% tăng, giảm so với năm 2016	Tăng, giảm bình quân thời kỳ 2016-2020 (%)
	Năm 2011	Năm 2016	Năm 2020		
Tổng số	394	613	640	4,4	1,1
Cơ sở tôn giáo	259	379	389	2,6	0,7
Cơ sở tín ngưỡng	135	234	251	7,3	1,8
Đơn vị hành chính					
1. Thành phố Hà Tĩnh	13	24	28	16,7	3,9

2. Thị xã Hồng Lĩnh	13	18	18	0,0	0,0
3. Huyện Hương Sơn	24	41	42	2,4	0,6
4. Huyện Đức Thọ	49	67	74	10,4	2,5
5. Huyện Vũ Quang	7	25	28	12,0	2,9
6. Huyện Nghi Xuân	19	64	68	6,3	1,5
7. Huyện Can Lộc	37	58	68	17,2	4,1
8. Huyện Hương Khê	66	93	93	0,0	0,0
9. Huyện Thạch Hà	48	75	88	17,3	4,1
10. Huyện Cẩm Xuyên	33	53	55	3,8	0,9
11. Huyện Kỳ Anh	12	15	14	-6,7	-1,7
12. Huyện Lộc Hà	56	60	42	-30,0	-8,5
13. Thị xã Kỳ Anh	17	20	22	10,0	2,4

Qua 10 năm, tốc độ phát triển cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng tăng khá nhanh, cho thấy với các chủ trương chính sách tôn giáo, tín ngưỡng và nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện đúng đắn, tạo mọi điều kiện cho các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, gắn bó cùng nhau xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội./.

Phần IV
CÁC BIỂU SỐ LIỆU

Biểu 01:

**SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ, LAO ĐỘNG VÀ CƠ CẤU CỦA ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA
NĂM 2020**

TT	Chỉ tiêu	Số đơn vị		Số lao động	
		Tổng số (Đơn vị)	Cơ cấu (%)	Số lượng (Người)	Cơ cấu (%)
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ	83.138	100,0	245.278	100,0
A	Phân theo loại hình				
I	Đơn vị kinh tế	81.128	97,6	200.589	81,8
1	Doanh nghiệp	4.017	4,8	73.005	29,8
1,1	Doanh nghiệp nhà nước	38	0,0	4.752	1,9
1,2	Doanh nghiệp ngoài nhà nước	3.917	4,7	57.029	23,3
1,3	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	62	0,1	11.224	4,6
2	Hợp tác xã	730	0,9	6.584	2,7
3	Cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản	76.381	91,9	121.000	49,3
II	Cơ sở hành chính, sự nghiệp, hiệp hội	1.370	1,6	41.934	17,1
1	Đơn vị hành chính	353	0,4	8.522	3,5
2	Đơn vị sự nghiệp	809	1,0	31.991	13,0
	+ Y tế	28	0,03	5.232	2,1
	+ Giáo dục	684	0,8	24.554	10,0
	+ Văn hóa, thể thao	19	0,02	370	0,2
	+ Thông tin, truyền thông	6	0,01	125	0,1
	+ Đơn vị sự nghiệp khác	72	0,1	1.710	0,7
3	Tổ chức chính trị, đoàn thể, hiệp hội	208	0,3	1.421	0,6
III	Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	640	0,8	2.755	1,1
B	Phân theo khu vực kinh tế	83.138	100,0	245.278	100,0
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (*)	432	0,5	6.301	2,6
II	Công nghiệp, xây dựng	18.041	21,7	89.069	36,3
III	Dịch vụ	64.665	77,8	149.908	61,1

Ghi chú: (*) Chỉ bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản

Biểu 02:

**SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ
VÀ THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN NĂM 2020**

Đơn vị tính: Đơn vị

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Chia ra						
			Doanh nghiệp	Hợp tác xã	Cơ sở SXKD cá thể	Đơn vị sự nghiệp	Hiệp hội	Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	Cơ sở hành chính
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	83.138	4.017	730	76.381	809	122	640	439
I	Phân theo khu vực kinh tế								
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	432	78	343	-	10	1	0	-
2	Công nghiệp, xây dựng	18.041	1.728	199	16.109	5	-	0	-
3	Dịch vụ	64.665	2.211	188	60.272	794	121	640	439
II	Phân theo địa phương								
1	Thành phố Hà Tĩnh	12.408	1.275	34	10.872	96	26	28	77
2	Thị xã Hồng Lĩnh	3.418	221	10	3.116	25	7	18	21
3	Huyện Hương Sơn	6.442	193	73	6.013	74	8	42	39
4	Huyện Đức Thọ	6.588	151	89	6.168	69	7	74	30
5	Huyện Vũ Quang	1.468	57	45	1.272	39	8	28	19
6	Huyện Nghi Xuân	6.239	222	37	5.815	57	9	68	31
7	Huyện Can Lộc	8.074	175	65	7.663	65	7	68	31
8	Huyện Hương Khê	4.890	161	46	4.480	67	8	93	35
9	Huyện Thạch Hà	7.522	296	98	6.913	80	11	88	36
10	Huyện Cẩm Xuyên	8.005	214	82	7.523	82	12	55	37
11	Huyện Kỳ Anh	6.478	148	65	6.151	61	6	14	33
12	Huyện Lộc Hà	5.939	129	63	5.630	43	7	42	25
13	Thị xã Kỳ Anh	5.667	775	23	4.765	51	6	22	25

Biểu 03:

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA PHÂN THEO
KHU VỰC KINH TẾ VÀ THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
NĂM 2020**

Đơn vị tính: Người

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Chia ra						
			Doanh nghiệp	Hợp tác xã	Cơ sở SXKD cá thể	Đơn vị sự nghiệp	Hiệp hội	Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	Cơ sở hành chính
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	245.278	73.005	6.584	121.000	31.991	378	2.755	9.565
I	Phân theo khu vực kinh tế								
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	6.301	2.574	3.405	-	315	7	-	-
2	Công nghiệp, xây dựng	89.069	48.753	1.823	38.401	92	0	0	-
3	Dịch vụ	149.908	21.678	1.356	82.599	31.584	371	2.755	9565
II	Đơn vị hành chính								
1	Thành phố Hà Tĩnh	52.507	24.297	218	18740	5.820	139	191	3102
2	Thị xã Hồng Lĩnh	13.146	6.391	111	4972	1.200	14	119	339
3	Huyện Hương Sơn	16.670	2.964	672	9491	2.614	24	151	754
4	Huyện Đức Thọ	16.748	2.313	821	10676	2.000	15	322	601
5	Huyện Vũ Quang	4.585	596	386	2171	1.027	15	54	336
6	Huyện Nghi Xuân	15.277	2.714	271	9351	2.150	26	228	537
7	Huyện Can Lộc	19.006	2.369	675	12194	2.820	26	395	527
8	Huyện Hương Khê	12.604	2.727	363	6309	2.160	22	387	636
9	Huyện Thạch Hà	21.843	6.110	902	10722	3.044	25	288	752
10	Huyện Cẩm Xuyên	19.074	3.189	780	11238	2.934	24	270	639
11	Huyện Kỳ Anh	13.857	1.168	521	9394	2.199	13	65	497
12	Huyện Lộc Hà	12.734	1.667	602	8170	1.741	20	162	372
13	Thị xã Kỳ Anh	27.227	16500	262	7572	2.282	15	123	473

Biểu 04:

SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP ĐANG HOẠT ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG CÓ ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2020 THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ VÀ THEO KHU VỰC KINH TẾ

TT	Chỉ tiêu	Số doanh nghiệp (DN)	Số lao động (Người)
A	B	1	2
	TỔNG SỐ	4.017	73.005
I	Phân theo thành phần kinh tế		
1	Doanh nghiệp nhà nước	38	4.752
2	Doanh nghiệp ngoài nhà nước	3.917	57.029
3	Doanh nghiệp FDI	62	11.224
II	Phân theo khu vực kinh tế		
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	78	2.574
2	Công nghiệp, xây dựng	1.728	48.753
3	Dịch vụ	2.211	21.678
	Cơ cấu (%)		
	TỔNG SỐ	100,0	100,0
I	Phân theo thành phần kinh tế		
1	Doanh nghiệp nhà nước	1,0	6,5
2	Doanh nghiệp ngoài nhà nước	97,5	78,1
3	Doanh nghiệp FDI	1,5	15,4
II	Phân theo khu vực kinh tế		
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1,9	3,5
2	Công nghiệp, xây dựng	43,0	66,8
3	Dịch vụ	55,1	29,7

Biểu 05:

**SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP ĐANG HOẠT ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG
CÓ ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2020 THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

TT	Đơn vị hành chính	Số doanh nghiệp (Doanh nghiệp)	Số lao động (Người)
A	B	1	2
	TỔNG SỐ	4.017	73.005
1	Thành phố Hà Tĩnh	1.275	24.297
2	Thị xã Hồng Lĩnh	221	6.391
3	Huyện Hương Sơn	193	2.964
4	Huyện Đức Thọ	151	2.313
5	Huyện Vũ Quang	57	596
6	Huyện Nghi Xuân	222	2.714
7	Huyện Can Lộc	175	2.369
8	Huyện Hương Khê	161	2.727
9	Huyện Thạch Hà	296	6.110
10	Huyện Cẩm Xuyên	214	3.189
11	Huyện Kỳ Anh	148	1.168
12	Huyện Lộc Hà	129	1.667
13	Thị xã Kỳ Anh	775	16500

Biểu 06:

**SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ ĐANG HOẠT ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG CÓ
ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2020 THEO KHU VỰC KINH TẾ**

TT	Đơn vị hành chính	Số hợp tác xã (Hợp tác xã)	Số lao động (Người)
A	B	1	2
	TỔNG SỐ	730	6.584
1	Thành phố Hà Tĩnh	34	218
2	Thị xã Hồng Lĩnh	10	111
3	Huyện Hương Sơn	73	672
4	Huyện Đức Thọ	89	821
5	Huyện Vũ Quang	45	386
6	Huyện Nghi Xuân	37	271
7	Huyện Can Lộc	65	675
8	Huyện Hương Khê	46	363
9	Huyện Thạch Hà	98	902
10	Huyện Cẩm Xuyên	82	780
11	Huyện Kỳ Anh	65	521
12	Huyện Lộc Hà	63	602
13	Thị xã Kỳ Anh	23	262

Biểu 07:

**SỐ LƯỢNG CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ PHI NÔNG, LÂM NGHIỆP,
THỦY SẢN PHÂN THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN NĂM 2020**

Đơn vị tính: Đơn vị

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra	
			Công nghiệp, xây dựng	Thương mại, vận tải, dịch vụ
A	B	1	2	3
	TỔNG SỐ	76.381	16.109	60.272
1	Thành phố Hà Tĩnh	10.872	1.502	9.370
2	Thị xã Hồng Lĩnh	3.116	525	2.591
3	Huyện Hương Sơn	6.013	1218	4.795
4	Huyện Đức Thọ	6.168	2127	4.041
5	Huyện Vũ Quang	1.272	307	965
6	Huyện Nghi Xuân	5.815	1096	4.719
7	Huyện Can Lộc	7.663	1876	5.787
8	Huyện Hương Khê	4.480	829	3.651
9	Huyện Thạch Hà	6.913	1675	5.238
10	Huyện Cẩm Xuyên	7.523	1616	5.907
11	Huyện Kỳ Anh	6.151	1288	4.863
12	Huyện Lộc Hà	5.630	1.348	4.282
13	Thị xã Kỳ Anh	4.765	702	4.063

Biểu 08:

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ
PHI NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN PHÂN THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
CẤP HUYỆN NĂM 2020**

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra	
			Công nghiệp, xây dựng	Thương mại, vận tải, dịch vụ
A	B	1	2	3
	TỔNG SỐ	121.000	38.401	82.599
1	Thành phố Hà Tĩnh	18.740	4.094	14.646
2	Thị xã Hồng Lĩnh	4.972	1.283	3.689
3	Huyện Hương Sơn	9.491	3.043	6.448
4	Huyện Đức Thọ	10.676	5.082	5.594
5	Huyện Vũ Quang	2.171	799	1.372
6	Huyện Nghi Xuân	9.351	2.955	6.396
7	Huyện Can Lộc	12.194	4.993	7.201
8	Huyện Hương Khê	6.309	1.709	4.600
9	Huyện Thạch Hà	10.722	3.954	6.768
10	Huyện Cẩm Xuyên	11.238	3.502	7.736
11	Huyện Kỳ Anh	9.394	2.811	6.583
12	Huyện Lộc Hà	8.170	2.754	5.416
13	Thị xã Kỳ Anh	7.572	1.422	6.150

Biểu 09:

SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP, HIỆP HỘI TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020
PHÂN THEO LOẠI HÌNH TỔ CHỨC VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Đơn vị tính: Đơn vị

TT	Đơn vị HC	Tổng số	Đơn vị sự nghiệp	Chia theo loại hình tổ chức của đơn vị						Hiệp Hội
				Lĩnh vực giáo dục, đào tạo	Lĩnh vực y tế	Lĩnh vực văn hóa, thể thao	Lĩnh vực thông tin truyền thông	Lĩnh vực lưu trú	Sự nghiệp khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	931	809	684	28	19	6	1	71	122
1	Thành phố Hà Tĩnh	122	96	56	11	6	1	0	22	26
2	Thị xã Hồng Lĩnh	32	25	18	1	1	0	0	5	7
3	Huyện Hương Sơn	82	74	69	1	0	1	0	3	8
4	Huyện Đức Thọ	76	69	63	2	2	0	0	2	7
5	Huyện Vũ Quang	47	39	33	1	0	1	0	4	8
6	Huyện Nghi Xuân	66	57	51	1	2	0	0	3	9
7	Huyện Can Lộc	72	65	58	1	2	0	0	4	7
8	Huyện Hương Khê	75	67	60	2	0	1	0	4	8
9	Huyện Thạch Hà	91	80	74	1	1	1	0	3	11
10	Huyện Cẩm Xuyên	94	82	71	2	2	1	1	5	12
11	Huyện Kỳ Anh	67	61	56	1	1	0	0	3	6
12	Huyện Lộc Hà	50	43	36	2	1	0	0	4	7
13	Thị xã Kỳ Anh	57	51	39	2	1	0	0	9	6

Biểu 10:

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG THUỘC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP, HIỆP HỘI TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020
PHÂN THEO LOẠI HÌNH TỔ CHỨC VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị HC	Tổng số	Đơn vị sự nghiệp	Chia theo loại hình tổ chức của đơn vị						Hiệp hội
				Lĩnh vực giáo dục, đào tạo	Lĩnh vực y tế	Lĩnh vực văn hóa, thể thao	Lĩnh vực thông tin truyền thông	Lĩnh vực lưu trú	Sự nghiệp khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	32.369	31.991	24554	5232	370	125	29	1681	378
1	Thành phố Hà Tĩnh	5.959	5.820	2.854	1.985	184	19	0	778	139
2	Thị xã Hồng Lĩnh	1.214	1.200	887	238	18	0	0	57	14
3	Huyện Hương Sơn	2.638	2.614	2.101	411	0	22	0	80	24
4	Huyện Đức Thọ	2.015	2.000	1.715	238	26	0	0	21	15
5	Huyện Vũ Quang	1.042	1.027	733	194	0	22	0	78	15
6	Huyện Nghi Xuân	2.176	2.150	1.807	272	40	0	0	31	26
7	Huyện Can Lộc	2.846	2.820	2.501	190	43	0	0	86	26
8	Huyện Hương Khê	2.182	2.160	1.874	189	0	19	0	78	22
9	Huyện Thạch Hà	3.069	3.044	2.603	371	6	22	0	42	25
10	Huyện Cẩm Xuyên	2.958	2.934	2.438	330	10	21	29	106	24
11	Huyện Kỳ Anh	2.212	2.199	1.988	171	12	0	0	28	13
12	Huyện Lộc Hà	1.761	1.741	1.451	241	13	0	0	36	20
13	Thị xã Kỳ Anh	2.297	2.282	1.602	402	18	0	0	260	15

Biểu 11:

**SỐ LƯỢNG VÀ LAO ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ TÔN GIÁO, TÍN
NGƯỠNGPHÂN THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

TT	Đơn vị HC	Số lượng (Cơ sở)	Chia ra		Lao động (Người)	Chia ra	
			Cơ sở tôn giáo	Cơ sở tín ngưỡng		Cơ sở tôn giáo	Cơ sở tín ngưỡng
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	640	389	251	2.755	2.059	696
1	Thành phố Hà Tĩnh	28	16	12	191	164	27
2	Thị xã Hồng Lĩnh	18	9	9	119	78	41
3	Huyện Hương Sơn	42	31	11	151	123	28
4	Huyện Đức Thọ	74	43	31	322	232	90
5	Huyện Vũ Quang	28	9	19	54	25	29
6	Huyện Nghi Xuân	68	24	44	228	119	109
7	Huyện Can Lộc	68	41	27	395	334	61
8	Huyện Hương Khê	93	84	9	387	347	40
9	Huyện Thạch Hà	88	44	44	288	166	122
10	Huyện Cẩm Xuyên	55	34	21	270	189	81
11	Huyện Kỳ Anh	14	10	4	65	56	9
12	Huyện Lộc Hà	42	29	13	162	118	44
13	Thị xã Kỳ Anh	22	15	7	123	108	15

Biểu 12:

**SỐ CƠ SỞ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG PHÂN THEO LOẠI XẾP HẠNG,
LOẠI CƠ SỞ VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN NĂM 2020**

TT	Đơn vị HC	Tổng	Chưa được xếp hạng	Đã được xếp hạng	Chia ra	
					Cấp quốc gia	Cấp tỉnh
	TỔNG SỐ	640	379	261	54	207
I	Phân theo loại cơ sở					
1	- Cơ sở tôn giáo	389	332	57	10	47
2	- Cơ sở tín ngưỡng	251	47	204	44	160
II	Phân theo địa phương	640	379	261	54	207
1	Thành phố Hà Tĩnh	28	19	9	1	8
2	Thị xã Hồng Lĩnh	18	5	13	4	9
3	Huyện Hương Sơn	42	27	15	6	9
4	Huyện Đức Thọ	74	40	34	8	26
5	Huyện Vũ Quang	28	15	13	1	12
6	Huyện Nghi Xuân	68	22	46	5	41
7	Huyện Can Lộc	68	40	28	9	19
8	Huyện Hương Khê	93	82	11	6	5
9	Huyện Thạch Hà	88	49	39	3	36
10	Huyện Cẩm Xuyên	55	31	24	3	21
11	Huyện Kỳ Anh	14	9	5	2	3
12	Huyện Lộc Hà	42	25	17	4	13

Biểu 13:

**SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, CƠ QUAN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN,
TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI PHÂN THEO LOẠI HÌNH TỔ CHỨC
VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN NĂM 2020**

Đơn vị tính: Đơn vị

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra				
			Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội)	Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, HĐND, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống này)	Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát)	Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam	Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	439	-	320	33	15	71
1	Thành phố Hà Tĩnh	77	-	58	4	3	12
2	Thị xã Hồng Lĩnh	21	-	13	2	1	5
3	Huyện Hương Sơn	39	-	30	3	1	5
4	Huyện Đức Thọ	30	-	22	2	1	5
5	Huyện Hương Khê	35	-	24	3	1	7
6	Huyện Vũ Quang	19	-	15	2	1	1
7	Huyện Nghi Xuân	31	-	23	2	1	5
8	Huyện Can Lộc	31	-	21	4	1	5
9	Huyện Thạch Hà	36	-	28	2	1	5
10	Huyện Cẩm Xuyên	37	-	29	2	1	5
11	Huyện Kỳ Anh	33	-	24	3	1	5
12	Huyện Lộc Hà	25	-	16	2	1	6
13	Thị xã Kỳ Anh	25	-	17	2	1	5

Biểu 14:

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, CƠ QUAN
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI PHÂN THEO
LOẠI HÌNH TỔ CHỨC VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020**

Đơn vị tính: Đơn vị

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra				
			Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội)	Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, HĐND, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống này)	Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát)	Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam	Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	9.565	-	8.063	459	539	504
1	Thành phố Hà Tĩnh	3.102	-	2.623	140	122	217
2	Thị xã Hồng Lĩnh	339	-	275	21	26	17
3	Huyện Hương Sơn	754	-	671	32	29	22
4	Huyện Đức Thọ	601	-	457	21	101	22
5	Huyện Hương Khê	636	-	502	35	33	66
6	Huyện Vũ Quang	336	-	271	18	27	20
7	Huyện Nghi Xuân	537	-	464	22	30	21
8	Huyện Can Lộc	527	-	422	51	33	21
9	Huyện Thạch Hà	752	-	674	24	34	20
10	Huyện Cẩm Xuyên	639	-	566	23	28	22
11	Huyện Kỳ Anh	497	-	431	30	21	15
12	Huyện Lộc Hà	372	-	301	19	28	24
13	Thị xã Kỳ Anh	473	-	406	23	27	17

Biểu 15:

**SỐ LƯỢNG CÁC CƠ SỞ TRỰC THUỘC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH PHÂN
THEO LOẠI HÌNH TỔ CHỨC VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
NĂM 2020**

Đơn vị tính: Đơn vị

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra				
			Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội)	Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, HĐND, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống này)	Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát)	Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam	Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	1.922	-	1.865	8	13	36
1	Thành phố Hà Tĩnh	205	-	176	-	6	23
2	Thị xã Hồng Lĩnh	59	-	59	-	0	0
3	Huyện Hương Sơn	211	-	211	-	0	0
4	Huyện Đức Thọ	137	-	130	-	7	0
5	Huyện Hương Khê	178	-	170	-	0	8
6	Huyện Vũ Quang	96	-	91	-	0	5
7	Huyện Nghi Xuân	130	-	130	-	0	0
8	Huyện Can Lộc	155	-	147	8	0	0
9	Huyện Thạch Hà	189	-	189	-	0	0
10	Huyện Cẩm Xuyên	195	-	195	-	0	0
11	Huyện Kỳ Anh	171	-	171	-	0	0
12	Huyện Lộc Hà	95	-	95	-	0	0
13	Thị xã Kỳ Anh	101	-	101	-	0	0

Biểu 16:

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, CƠ QUAN
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI PHÂN THEO
NHÓM TUỔI VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020**

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra				
			Từ 16 đến 30 tuổi	Từ 31 đến 45 tuổi	Từ 46 đến 55 tuổi	Từ 56 đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	9.565	475	5.617	2.664	650	159
1	Thành phố Hà Tĩnh	3.102	178	1.830	848	216	30
2	Thị xã Hồng Lĩnh	339	19	202	93	17	8
3	Huyện Hương Sơn	754	32	474	196	38	14
4	Huyện Đức Thọ	601	13	330	218	30	10
5	Huyện Hương Khê	636	39	369	173	47	8
6	Huyện Vũ Quang	336	10	219	85	15	7
7	Huyện Nghi Xuân	537	20	297	148	47	25
8	Huyện Can Lộc	527	16	287	168	44	12
9	Huyện Thạch Hà	752	33	433	236	40	10
10	Huyện Cẩm Xuyên	639	42	328	185	77	7
11	Huyện Kỳ Anh	497	34	294	128	27	14
12	Huyện Lộc Hà	372	18	253	77	17	7
13	Thị xã Kỳ Anh	473	21	301	109	35	7

Biểu 17:

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH PHÂN THEO
NHÓM TUỔI VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020**

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra				
			Từ 16 đến 30 tuổi	Từ 31 đến 45 tuổi	Từ 46 đến 55 tuổi	Từ 56 đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	8.522	423	5.017	2.385	574	123
1	Thành phố Hà Tĩnh	2.763	161	1.630	755	195	22
2	Thị xã Hồng Lĩnh	296	17	182	77	14	6
3	Huyện Hương Sơn	703	32	436	189	35	11
4	Huyện Đức Thọ	478	10	257	177	24	10
5	Huyện Hương Khê	537	26	319	149	38	5
6	Huyện Vũ Quang	289	8	190	74	12	5
7	Huyện Nghi Xuân	486	17	269	135	44	21
8	Huyện Can Lộc	473	15	256	151	42	9
9	Huyện Thạch Hà	698	33	402	220	34	9
10	Huyện Cẩm Xuyên	589	38	304	178	64	5
11	Huyện Kỳ Anh	461	34	277	112	26	12
12	Huyện Lộc Hà	320	17	221	68	11	3
13	Thị xã Kỳ Anh	429	15	274	100	35	5

Biểu 18:

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ QUAN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN
PHÂN THEO NHÓM TUỔI VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020**

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra				
			Từ 16 đến 30 tuổi	Từ 31 đến 45 tuổi	Từ 46 đến 55 tuổi	Từ 56 đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	539	18	324	160	35	2
1	Thành phố Hà Tĩnh	122	9	67	39	7	0
2	Thị xã Hồng Lĩnh	26	1	13	10	2	0
3	Huyện Hương Sơn	29	0	22	4	3	0
4	Huyện Đức Thọ	101	2	60	33	6	0
5	Huyện Hương Khê	33	0	25	6	2	0
6	Huyện Vũ Quang	27	2	17	8	0	0
7	Huyện Nghi Xuân	30	1	22	7	0	0
8	Huyện Can Lộc	33	0	20	13	0	0
9	Huyện Thạch Hà	34	0	17	13	3	1
10	Huyện Cẩm Xuyên	28	0	15	4	9	0
11	Huyện Kỳ Anh	21	0	10	11	0	0
12	Huyện Lộc Hà	28	1	18	5	3	1
13	Thị xã Kỳ Anh	27	2	18	7	0	0

Biểu 19:

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI
PHÂN THEO NHÓM TUỔI VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN,
THỜI ĐIỂM 31/12/2020**

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra				
			Từ 16 đến 30 tuổi	Từ 31 đến 45 tuổi	Từ 46 đến 55 tuổi	Từ 56 đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	504	34	276	119	41	34
1	Thành phố Hà Tĩnh	217	8	133	54	14	8
2	Thị xã Hồng Lĩnh	17	1	7	6	1	2
3	Huyện Hương Sơn	22	0	16	3	0	3
4	Huyện Đức Thọ	22	1	13	8	0	0
5	Huyện Hương Khê	66	13	25	18	7	3
6	Huyện Vũ Quang	20	0	12	3	3	2
7	Huyện Nghi Xuân	21	2	6	6	3	4
8	Huyện Can Lộc	21	1	11	4	2	3
9	Huyện Thạch Hà	20	0	14	3	3	0
10	Huyện Cẩm Xuyên	22	4	9	3	4	2
11	Huyện Kỳ Anh	15	0	7	5	1	2
12	Huyện Lộc Hà	24	0	14	4	3	3
13	Thị xã Kỳ Anh	17	4	9	2	0	2

Biểu 20:

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, CƠ QUAN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ
- XÃ HỘI PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, THỜI ĐIỂM 31/12/2020**

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra								
			Chưa đào tạo	Đào tạo dưới 3 tháng	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Ghi chú	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Trình độ khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ	9.565	119	18	125	846	225	6.905	1.213	21	93
1	Thành phố Hà Tĩnh	3.102	46	10	70	116	40	2.026	724	17	53
2	Thị xã Hồng Lĩnh	339	2	0	10	25	5	258	38	1	0
3	Huyện Hương Sơn	754	5	0	5	81	20	579	55	0	9
4	Huyện Đức Thọ	601	1	0	4	62	5	500	26	0	3
5	Huyện Hương Khê	636	12	2	6	91	34	455	34	0	2
6	Huyện Vũ Quang	336	8	1	5	35	7	237	35	1	7
7	Huyện Nghi Xuân	537	18	1	1	55	12	410	40	0	0
8	Huyện Can Lộc	527	3	0	4	64	10	400	45	0	1
9	Huyện Thạch Hà	752	3	0	4	86	29	552	68	1	9
10	Huyện Cẩm Xuyên	639	4	1	5	82	22	489	32	0	4
11	Huyện Kỳ Anh	497	3	0	4	68	21	362	38	0	1
12	Huyện Lộc Hà	372	8	3	4	34	11	282	30	0	0
13	Thị xã Kỳ Anh	473	6	0	3	47	9	355	48	1	4

Biểu 21:

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, THỜI ĐIỂM 31/12/2020**

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra								
			Chưa đào tạo	Đào tạo dưới 3 tháng	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Ghi chú	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Trình độ khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ	8.522	102	15	118	805	215	6.169	997	20	81
1	Thành phố Hà Tĩnh	2.763	34	9	66	106	38	1.798	646	16	50
2	Thị xã Hồng Lĩnh	296	2	0	10	24	4	225	30	1	0
3	Huyện Hương Sơn	703	5	0	5	81	20	539	47	0	6
4	Huyện Đức Thọ	478	1	0	4	57	5	401	8	0	2
5	Huyện Hương Khê	537	12	2	5	84	32	383	19	0	0
6	Huyện Vũ Quang	289	8	1	5	31	7	211	21	1	4
7	Huyện Nghi Xuân	486	17	1	1	54	10	372	31	0	0
8	Huyện Can Lộc	473	3	0	4	59	10	363	33	0	1
9	Huyện Thạch Hà	698	1	0	4	85	27	515	56	1	9
10	Huyện Cẩm Xuyên	589	4	1	5	79	22	453	21	0	4
11	Huyện Kỳ Anh	461	3	0	4	68	21	333	31	0	1
12	Huyện Lộc Hà	320	6	1	3	31	11	250	18	0	0
13	Thị xã Kỳ Anh	429	6	0	2	46	8	326	36	1	4

Biểu 22:

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ QUAN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, THỜI ĐIỂM 31/12/2020**

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra								
			Chưa đào tạo	Đào tạo dưới 3 tháng	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Ghi chú	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Trình độ khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ	539	16	2	4	17	3	347	144	1	5
1	Thành phố Hà Tĩnh	122	12	0	3	2	2	68	34	1	0
2	Thị xã Hồng Lĩnh	26	0	0	0	1	0	18	7	0	0
3	Huyện Hương Sơn	29	0	0	0	0	0	21	6	0	2
4	Huyện Đức Thọ	101	0	0	0	5	0	78	18	0	0
5	Huyện Hương Khê	33	0	0	0	2	0	22	9	0	0
6	Huyện Vũ Quang	27	0	0	0	1	0	14	9	0	3
7	Huyện Nghi Xuân	30	0	0	0	0	1	22	7	0	0
8	Huyện Can Lộc	33	0	0	0	1	0	22	10	0	0
9	Huyện Thạch Hà	34	2	0	0	1	0	22	9	0	0
10	Huyện Cẩm Xuyên	28	0	0	0	2	0	17	9	0	0
11	Huyện Kỳ Anh	21	0	0	0	0	0	15	6	0	0
12	Huyện Lộc Hà	28	2	2	0	1	0	13	10	0	0
13	Thị xã Kỳ Anh	27	0	0	1	1	0	15	10	0	0

Biểu 23:

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, THỜI ĐIỂM 31/12/2020

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra								
			Chưa đào tạo	Đào tạo dưới 3 tháng	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Ghi chú	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Trình độ khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ	504	1	1	3	24	7	389	72	0	7
1	Thành phố Hà Tĩnh	217	0	1	1	8	0	160	44	0	3
2	Thị xã Hồng Lĩnh	17	0	0	0	0	1	15	1	0	0
3	Huyện Hương Sơn	22	0	0	0	0	0	19	2	0	1
4	Huyện Đức Thọ	22	0	0	0	0	0	21	0	0	1
5	Huyện Hương Khê	66	0	0	1	5	2	50	6	0	2
6	Huyện Vũ Quang	20	0	0	0	3	0	12	5	0	0
7	Huyện Nghi Xuân	21	1	0	0	1	1	16	2	0	0
8	Huyện Can Lộc	21	0	0	0	4	0	15	2	0	0
9	Huyện Thạch Hà	20	0	0	0	0	2	15	3	0	0
10	Huyện Cẩm Xuyên	22	0	0	0	1	0	19	2	0	0
11	Huyện Kỳ Anh	15	0	0	0	0	0	14	1	0	0
12	Huyện Lộc Hà	24	0	0	1	2	0	19	2	0	0
13	Thị xã Kỳ Anh	17	0	0	0	0	1	14	2	0	0

Biểu 24:

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, CƠ QUAN
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI PHÂN THEO
NGÁCH CÔNG CHỨC VÀ CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, THỜI ĐIỂM 31/12/2020**

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra				
			Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự	Nhân viên
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	9.544	36	786	6.959	877	886
1	Thành phố Hà Tĩnh	3.090	33	465	2.047	122	423
2	Thị xã Hồng Lĩnh	336	0	27	251	33	25
3	Huyện Hương Sơn	754	0	28	608	92	26
4	Huyện Đức Thọ	601	0	18	473	82	28
5	Huyện Hương Khê	631	2	25	461	67	76
6	Huyện Vũ Quang	336	0	20	242	50	24
7	Huyện Nghi Xuân	537	0	31	399	22	85
8	Huyện Can Lộc	527	0	23	413	71	20
9	Huyện Thạch Hà	752	0	64	568	83	37
10	Huyện Cẩm Xuyên	638	0	14	493	54	77
11	Huyện Kỳ Anh	497	1	17	364	100	15
12	Huyện Lộc Hà	372	0	22	288	38	24
13	Thị xã Kỳ Anh	473	0	32	352	63	26

Biểu 25:

LAO ĐỘNG TRẢ LƯƠNG BÌNH QUÂN TRONG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, CƠ QUAN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI PHÂN THEO LOẠI HÌNH TỔ CHỨC VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN NĂM 2020

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra				
			Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội)	Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, HĐND, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống này)	Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát)	Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam	Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	9.697	0	8.191	455	541	510
1	Thành phố Hà Tĩnh	3.122	0	2.645	135	126	217
2	Thị xã Hồng Lĩnh	345	0	282	21	26	16
3	Huyện Hương Sơn	770	0	685	33	29	23
4	Huyện Đức Thọ	618	0	471	22	101	24
5	Huyện Hương Khê	652	0	518	35	32	66
6	Huyện Vũ Quang	341	0	276	18	27	20
7	Huyện Nghi Xuân	540	0	467	22	28	23
8	Huyện Can Lộc	531	0	426	51	33	22
9	Huyện Thạch Hà	764	0	685	24	33	22
10	Huyện Cẩm Xuyên	642	0	569	23	28	22
11	Huyện Kỳ Anh	510	0	439	30	25	16
12	Huyện Lộc Hà	379	0	309	19	28	24
13	Thị xã Kỳ Anh	484	0	419	23	27	16

Biểu 26:

SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, CƠ QUAN CỦA ĐẢNG, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ CÔNG THÔNG TIN/TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ RIÊNG PHÂN THEO LOẠI HÌNH TỔ CHỨC VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN NĂM 2020

Đơn vị tính: Đơn vị

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra				
			Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội)	Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, HĐND, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống này)	Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát)	Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam	Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	291	0	266	6	5	14
1	Thành phố Hà Tĩnh	56	0	47	2	2	5
2	Thị xã Hồng Lĩnh	11	0	9	1	0	1
3	Huyện Hương Sơn	27	0	27	0	0	0
4	Huyện Đức Thọ	16	0	15	0	1	0
5	Huyện Hương Khê	20	0	19	0	0	1
6	Huyện Vũ Quang	14	0	13	0	0	1
7	Huyện Nghi Xuân	19	0	19	0	0	0
8	Huyện Can Lộc	18	0	17	1	0	0
9	Huyện Thạch Hà	26	0	24	0	1	1
10	Huyện Cẩm Xuyên	34	0	27	1	1	5
11	Huyện Kỳ Anh	22	0	21	1	0	0
12	Huyện Lộc Hà	15	0	15	0	0	0
13	Thị xã Kỳ Anh	13	0	13	0	0	0

Biểu 27:

SỐ LƯỢNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, CƠ QUAN CỦA ĐẢNG, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI/CẢI TIẾN MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 PHÂN THEO LOẠI HÌNH TỔ CHỨC VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Đơn vị tính: Đơn vị

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra				
			Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội)	Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, HĐND, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống này)	Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát)	Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam	Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	17	0	12	1	1	3
1	Thành phố Hà Tĩnh	5	0	4	1	0	0
2	Thị xã Hồng Lĩnh	0	0	0	0	0	0
3	Huyện Hương Sơn	6	0	4	0	0	2
4	Huyện Đức Thọ	1	0	0	0	1	0
5	Huyện Hương Khê	2	0	1	0	0	1
6	Huyện Vũ Quang	0	0	0	0	0	0
7	Huyện Nghi Xuân	0	0	0	0	0	0
8	Huyện Can Lộc	0	0	0	0	0	0
9	Huyện Thạch Hà	0	0	0	0	0	0
10	Huyện Cẩm Xuyên	1	0	1	0	0	0
11	Huyện Kỳ Anh	1	0	1	0	0	0
12	Huyện Lộc Hà	0	0	0	0	0	0
13	Thị xã Kỳ Anh	1	0	1	0	0	0

Biểu 28:

SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET PHÂN THEO LOẠI HÌNH TỔ CHỨC VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Đơn vị tính: Đơn vị

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	Chia ra				
			Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội)	Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống này)	Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát)	Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam	Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	432	0	318	33	15	66
1	Thành phố Hà Tĩnh	75	0	57	4	3	11
2	Thị xã Hồng Lĩnh	21	0	13	2	1	5
3	Huyện Hương Sơn	38	0	30	3	1	4
4	Huyện Đức Thọ	30	0	22	2	1	5
5	Huyện Hương Khê	33	0	24	3	1	5
6	Huyện Vũ Quang	19	0	15	2	1	1
7	Huyện Nghi Xuân	31	0	23	2	1	5
8	Huyện Can Lộc	31	0	21	4	1	5
9	Huyện Thạch Hà	36	0	28	2	1	5
10	Huyện Cẩm Xuyên	36	0	28	2	1	5
11	Huyện Kỳ Anh	33	0	24	3	1	5
12	Huyện Lộc Hà	25	0	16	2	1	6
13	Thị xã Kỳ Anh	24	0	17	2	1	4

KẾT QUẢ SƠ BỘ
TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ
VÀ ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG
TRẦN THANH BÌNH

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

BIÊN TẬP

MAI THỊ CẨM GIANG - PHÓ CỤC TRƯỞNG

PHAN THỊ HẠNH - TRƯỞNG PHÒNG THU THẬP TTTK

NGUYỄN TRUNG KIÊN – PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THU THẬP TTTK

NGUYỄN TRUNG THÀNH - TRƯỞNG PHÒNG TK TỔNG HỢP

TRẦN HOÀI NAM - TRƯỞNG PHÒNG TK KINH TẾ

NGÔ THỊ THẬP - TRƯỞNG PHÒNG TK XÃ HỘI

Cùng tập thể phòng Thu thập Thông tin thống kê, Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

-
- Số lượng in 150 cuốn, tại Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh.
 - Khổ giấy A4.
 - Tháng 02/2022.